Lời nói đầu

Một trong những công tác quan trọng để góp phần quyết định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là công tác tài chính kế toán. Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, tài chính kế toán gắn liền với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gắn liền với sự biến động của thị trường trong nước và quốc tế, gắn liền với đường lối chính sách của Nhà nước, đảm nhiệm hệ thống tổ chức thông tin có ích cho các quyết định kinh tế. Vì vậy công tác tài chính kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong doanh nghiệp, nó xác định được kết quả kinh doanh, kết quả lợi nhuận, từ đó giúp nhà quản trị có quyết định kinh doanh đúng hướng, đúng mục đích theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

Đánh giá đúng đắn vai trò của kế toán trong nền kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập, Đảng và nhà nước ta đã quan tâm chú trọng đến công tác kế toán – Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật kế toán và được ban hành, thi hành có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Đây là hành lang pháp lý quan trọng giúp cho người làm công tác kế toán và lãnh đạo doanh nghiệp đi đúng hướng hơn trong công tác quản lý tài chính. Điều đó góp phần đẩy mạnh sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời đóng góp được phần nào vào sự phát triển chung của đất nước. Đóng góp đáng kể cho sự phát triển này là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của ngành xây dựng cơ bản (XDCB). XDCB là hoạt động mang tính chất tiền đề để tạo ra cơ sở vật chất cho quá trình tái sản xuất xã hội, tạo ra tài sản cố định quyết định sức mạnh của nền kinh tế và sức mạnh cạnh tranh của doanh nghiệp.

Vấn đề đặt ra là làm sao quản lý vốn một cách hiệu quả, khắc phục tình trạng lãng phí, thất thoát vốn trong điều kiện sản xuất XDCB trải qua nhiều khâu từ thiết kế lập dự án đến thi công, nghiệm thu, thời gian sản xuất kéo dài. Để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải tăng cường quản lý chặt chẽ đặc biệt chú trọng vào công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất được tập hợp một cách chính xác kết hợp với việc tính đầy đủ giá thành sản phẩm sẽ làm lành mạnh hóa các quan hệ tài chính của doanh nghiệp, góp phần tích cực vào việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, sau một thời gian thực tập tại công ty Cổ phần xây dựng Ngô Quyền em chọn đề tài "Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền" để làm khóa luận tốt nghiệp. Em xin chân thành cảm ơn cô Nghiêm Thị Thà cùng các thầy cô tại trường đại học Dân lập Hải Phòng và các cô chú phòng kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng Ngô Quyền đã tận tình giúp đỡ em trong giai đoạn thực tập và hoàn thành đề tài này

Khóa luận tốt nghiệp bao gồm:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây dựng

Chương 2: Thực trạng về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền.

Chương 3: Những đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phẩn xây dựng Ngô Quyền

Mục lục

Lời nói đầu

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây dựng..... 1

1.1. Những vấn đề chung về ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp 1

1.1.1. Đặc điểm của các doanh nghiệp xây dựng và sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành 1

1.1.2. Yêu cầu đối với công tác quản lý và kế toán chi phí tính giá thành sản phẩm xây lắp 2

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp 3

1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp 3

1.2.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp 3

1.2.1.1. Khái niệm 3

1.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất 4

1.2.2. Gía thành sản phẩm xây lắp 5

1.2.2.1. Khái niệm 5

1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp 6

1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 8

1.3. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ..9

1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp ..9

1.3.1.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất 9

1.3.1.2. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất 10

1.3.2. Trình tự và phương pháp kế toán chi phí sản xuất 14

1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 13

1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp 15

1.3.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công 17

1.3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung 21

1.3.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất 23

1.3.4. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp 24
1.3.5. Tính giá thành sản phẩm xây lắp..... 26
1.3.5.1. Xác định đối tượng tính giá thành..... 26
1.3.5.2. Phương pháp tính giá thành xây lắp..... 26
1.4. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong điều kiện áp dụng kế toán máy..... 26
1.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy..... 26
1.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính theo hình thức nhật ký chung..... 27
Chương 2: Thực trạng về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền..... 29
2.1. Tổng quan về công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền..... 29
2.1.1. Qúa trình hình thành và phát triển công ty..... 29
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý 30
2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh 30
2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý..... 31
2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền..... 35
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty 35
2.1.3.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền 37
2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền. 38
2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất 38
2.2.1.1. Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất tại công ty 38
2.2.1.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất tại công ty 38
2.2.1.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại công ty 39
2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán giá thành sản phẩm 40
2.2.2.1. Đối tượng tính giá 40
2.2.2.2. Phương pháp tính giá 40
2.2.3. Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty..... 41

2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 41
2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp 46
2.2.3.3. Kế toán chi phí sản xuất chung 54
2.2.3.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp 67
2.2.3.5. Kế toán định giá sản phẩm dở dang 67
2.2.3.6. Kế toán tính giá thành sản phẩm 68
Chương 3: Những đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền 80
3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền 80
3.1.1. Khái quát chung 80
3.1.2. Ưu điểm 81
3.1.3. Nhược điểm 84
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty 86
Kết luận

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

1.1. Những vấn đề chung về xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp

1.1.1. Đặc điểm của các doanh nghiệp xây dựng và sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành.

XDCB là sản xuất quan trọng không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân nó có vai trò tạo ra cơ sở vật chất chủ yếu, tăng tiềm lực kinh tế và tiềm lực quốc phòng của nền kinh tế.

Đầu tư XDCB là một khâu không thể thiếu trong bất kỳ hoạt động kinh doanh nào, loại hình doanh nghiệp nào. Trong giá trị sản phẩm của các ngành chi phí xây dựng chiếm một tỷ lệ nhất định nên hoạt động của ngành XDCB có ảnh hưởng đến hạ giá thành và tăng thu nhập quốc dân. Hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ với một số ngành sản xuất kinh doanh khác và gắn liền với việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Do vậy sự phát triển của hoạt động XDCB sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của một số ngành sản xuất và dịch vụ khác đồng thời cũng thúc đẩy sự đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngành xây dựng có điểm nổi bật so với các ngành khác là hoạt động sản xuất diễn ra ngoài trời chịu tác động của môi trường tự nhiên. Vì vậy đòi hỏi việc tổ chức quản lý giám sát chặt chẽ những bước đầu để hạn chế những ảnh hưởng xấu có thể xảy ra.

Sản phẩm xây lắp là các công trình xây dựng, vật kiến trúc… có quy mô kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm lâu dài. Do vậy công tác sản xuất thường có chi phí lớn và mang tính cá biệt cao. Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc theo giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu) do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không được thể hiện rõ. Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn có các điều kiện sản xuất như máy móc, thiết bị thi công, người lao động phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý sử dụng hạch toán tài sản vật tư rất phức tạp.

Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Nó phụ thuộc quy mô tổ chức phức tạp của từng công trình. Qúa trình thi công thường được chia làm nhiều giai đoạn, công việc khác nhau và các công việc diễn ra ngoài trời chịu ảnh hưởng nhiều của thời tiết tự nhiên nên cần phải có sự quản lý tổ chức giám sát chặt chẽ sao cho công trình hoàn thành đúng tiến độ quy định mà vẫn đảm bảo chất lượng yêu cầu.

1.1.2. Yêu cầu đối với công tác quản lý và kế toán chi phí tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Đối với sản phẩm xây lắp yêu cầu đối với sản phẩm là phải đảm bảo chất lượng, thời gian đưa và sử dụng theo đúng tiến độ và khi đưa vào sử dụng phải phát huy tác dụng về mặt kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội.

Đối với công tác quản lý do ngành xây dựng và sản phẩm xây lắp có những đặc thù riêng nên công tác quản lý rất khó khăn. Trong quá trình thi công khả năng mất mát hư hỏng do điều kiện khách quan và chủ quan rất dễ xảy ra. Vì vậy, việc quản lý, tổ chức, giám sát phải hết sức chặt chẽ. Chi phí phát sinh trong hoạt động XDCB thường rất lớn và đa dạng. Vì vậy trong công tác kế toán chi phí, cần theo dõi chặt chẽ sự phát sinh của các loại chi phí và việc phản ánh các khoản chi phí này đúng và đủ vào các tài khoản thích hợp.

Hoạt động đầu tư XDCB phải đảm bảo tạo ra những sản phẩm được xã hội chấp nhận về chất lượng giá cả và đáp ứng được mục tiêu kinh tế trong từng thời kỳ.

Đối với sản phẩm xây lắp trước khi thi công phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công…). Trong quá trình thi công phải thường xuyên đối chiếu với các chi phí phát sinh so với dự toán để có những điều chỉnh kịp thời khi phát hiện ra sai lệch.

Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động XDCB chủ yếu diễn ra các phương pháp đấu thầu và giao thầu. Vì vậy để có thể trúng thầu và thi công công trình, doanh nghiệp phải xây dựng giá thầu hợp lý cho công trình nên những cơ sở những định mức đánh giá XDCB mà nhà nước đã ban hành trên cơ sở giá thị trường và khả năng của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo có lãi. Để thực hiện được điều này doanh

nghiệp phải tăng cường công tác quản lý, đặc biệt là quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm.

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Nhiệm vụ đặt ra đối với công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm như sau:

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành hợp lý
- Xác định phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp
- Phản ánh kịp thời, chính xác và đầy đủ toàn bộ chi phí thực tế phát sinh cho từng đối tượng
- Kiểm tra và phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí ngoài khấu hao, các khoản thiệt hại, mất mát hư hỏng… Trong sản xuất để có biện pháp kịp thời.
- Tổ chức tập hợp và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng tập hợp chi phí xác định đúng giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ
- Lựa chọn phương pháp tính giá thành hợp lý, tính đúng các khoản mục chi phí theo đúng quy định và kỳ tính giá thành xây lắp
- Đề ra các phương pháp và biện pháp hữu hiệu nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm

1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp

1.2.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1.1. Khái niệm

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp phải tiêu dùng trong một thời kỳ để sản xuất sản phẩm. Thực chất chi phí là quá trình chuyển dịch vốn , chuyển dịch các yếu tố sản xuất về đối tượng tính giá. Nó gắn liền với khối lượng sản phẩm sản xuất ra trong kỳ.

Tương tự như vậy chi phí bỏ ra trong quá trình xây dựng cũng được biểu hiện dưới hình thức giá trị. Ba yếu tố chi phí cơ bản gồm trong đó là: Tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động tham gia vào quá trình sản xuất với các mức độ

khác nhau, hình thành nên các yếu tố chi phí tương tự như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định… những yếu tố về chi phí trên chính là chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp. Vậy chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa cấu thành nên giá thành của sản phẩm xây lắp.

Về mặt lượng, chi phí sản xuất phụ thuộc vào hai yếu tố:

- Khối lượng sức lao động và tư liệu sản xuất đã chi ra trong một thời kỳ nhất định.
- Gía cả tư liệu sản xuất đã tiêu hao trong quá trình sản xuất và tiền lương công nhân tính trên một đơn vị tư liệu lao động đã hao phí

Như vậy ta thấy rằng trong điều kiện giá cả không ổn định việc xác định đúng chi phí sản xuất phù hợp với giá cả thực tế sẽ giúp cho doanh nghiệp bảo toàn vốn theo yêu cầu chế độ quản lý hiện nay.

1.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất

- **Phân loại theo tính chất nội dung kinh tế**

Theo cách phân loại này, CPSX gồm có các chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

Ý nghĩa của việc phân loại theo tính chất nội dung kinh tế là:

- Cho biết kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí
- giúp cho việc phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán chi phí
- Là cơ sở lập dự toán chi phí kỳ sau
- Là cơ sở để báo cáo CPSX theo yếu tố

- **Phân loại theo mục đích công dụng của chi phí**

Theo cách phân loại này, CPSX gồm có các chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Ý nghĩa của việc phân loại chi phí theo mục đích công dụng của chi phí là:

- giúp cho việc quản lý chi phí theo định mức
- Làm cơ sở cho việc tính toán, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tính giá thành sản phẩm, dịch vụ.
- Là cơ sở lập định mức CPSX và lập kế hoạch giá thành sản phẩm cho kỳ sau

- **Phân loại theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động**

Theo cách phân loại này, CPSX gồm có các chi phí sau:

- Chi phí biến đổi
- Chi phí cố định
- Chi phí hỗn hợp

Việc phân loại chi phí theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động chủ yếu để phục vụ cho việc ra quyết định quản trị trong ngắn hạn và dài hạn.

- **Phân loại theo phương pháp tập hợp chi phí vào các đối tượng chịu chi phí**

Theo cách phân loại này, CPSX gồm có các chi phí sau:

- Chi phí trực tiếp
- Chi phí gián tiếp

Cách phân loại này giúp cho việc xác định phương pháp tập hợp chi phí vào các đối tượng phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm

Ngoài ra, để phục vụ cho công tác quản lý CPSX và tính giá thành sản phẩm, đặc biệt trong kế toán quản trị, người ta còn chia CPSX thành: Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được,…

1.2.2.Gía thành sản phẩm xây lắp

1.2.2.1. Khái niệm

Gía thành sản phẩm là toàn bộ chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất tính theo khối lượng và loại sản phẩm đã hoàn thành. Gía thành là một phạm trù kinh tế gắn liền với sản xuất hàng hóa. Nó là một phạm trù kinh tế khách quan nhưng lại tồn tại những đặc tính chủ quan trong một giới hạn nhất định. Gía thành là một bộ

phận giá trị biểu hiện bằng tiền. Nó cũng là một bộ phận của CPSX xã hội bao gồm toàn bộ hao phí về lao động vật hóa và lao động sống để sản xuất. Gía thành là một phạm trù kinh tế khách quan vì việc chuyển dịch giá trị tư liệu sản xuất và lao động sống đã hao phí là tất yếu. Tuy nhiên để sản xuất ra một sản phẩm hay hoàn thành một lao vụ… thì DN phải đầu tư vào quá trình sản xuất một lượng chi phí nhất định. Những chi phí này sẽ cấu thành nên giá thành của sản phẩm. Chính vì vậy giá thành sản phẩm mang những yếu tố chủ quan.

Như vậy trong doanh nghiệp xây lắp, giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí bằng tiền để hoàn thành khối lượng xây lắp theo quy định.

Không giống như sản xuất công nghiệp, ở DN xây dựng giá thành sản phẩm mang tính cá biệt: Mỗi công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp sau khi đã hoàn thành đều có giá trị riêng.

Một đặc điểm khác biệt nữa của giá thành sản phẩm xây lắp là giá thành sản phẩm xây lắp (giá thành thực tế) của một công trình, HMCT hay khối lượng lao vụ chỉ quyết định lãi hoặc lỗ cho việc thực hiện thi công công trình đó vì khi DN nhận thầu một công trình thì giá bán (giá nhận thầu) đã có trước khi thi công công trình.

1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

- **Gía thành dự toán**

Do sản phẩm xây lắp có giá trị lớn, thời gian thi công dài, mang tính đơn chiếc, có kết cấu phức tạp nên công trình, HMCT đều có giá dự toán riêng.

Gía thành dự toán là tổng số chi phí dự toán để hoàn thành khối lượng xây lắp theo công trình. Gía thành dự toán được xác định theo định mức và khung giá quy định áp dụng cho từng vùng lãnh thổ. Gía thành dự toán nhỏ hơn giá trị dự toán công trình ở phần thu nhập chịu thuế tính trước (Thu nhập chịu thuế tính trước được tính theo định mức quy định).

$$Z \text{ dự toán} = T + C + TL + V$$

Trong đó:

- T : chi phí trực tiếp gồm CP NVL, CP NCTT, CP sử dụng máy thi công
- C : Chi phí chung

C = Định mức chi phí * Chi phí nhân công

- TL : Thu nhập chịu thuế tính trước

TL = (T + C) * tỷ lệ quy định

- V : Thuế GTGT đầu vào

V = Thuế suất * (T + C + TL)

- **Gía thành kế hoạch**

Gía thành kế hoạch là giá thành được xác định xuất phát từ điều kiện cụ thể ở mỗi đơn vị xây lắp trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức đơn giá áp dụng trong đơn vị:

Gía thành kế hoạch = Gía thành dự toán - Mức hạ giá thành dự toán

Đối với DN không lập kế hoạch hạ giá thành dự toán thì giá thành kế hoạch được xác định trên cơ sở giá thành thực tế các năm trước và các định mức kinh tế, kỹ thuật của DN bao gồm các chi phí gắn liền với quá trình sản xuất kinh doanh và tiêu thụ của DN được xác định trên cơ sở mức hao phí lao động, mức hao phí vật tư và khung giá áp dụng theo kế hoạch.

Việc xác định giá thành kế hoạch không chỉ giúp cho DN tính đúng CPSX phát sinh trong giai đoạn kế hoạch mà còn tạo điều kiện cho DN triển khai các kế hoạch, biện pháp tổ chức kỹ thuật để tổng CPSX thực tế không vượt quá tổng CPSX dự kiến theo kế hoạch. Chính vì vậy giá thành kế hoạch phản ánh trình độ quản lý giá thành của DN.

- **Gía thành thực tế**

Gía thành thực tế là toàn bộ các chi phí thực tế của khối lượng xây lắp mà đơn vị đã nhận thầu hoàn thành bàn giao. Gía thành thực tế được xác định theo số liệu kế toán. Gía thành thực tế sản phẩm xây lắp còn bao gồm cả những chi phí phát sinh do nguyên nhân chủ quan của DN như: mất mát, hao hụt…

Hiện nay trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp, giá thành được báo cáo theo 2 chỉ tiêu sau:

- Gía thành thực tế công trình, HMCT: Bao gồm toàn bộ chi phí thực tế phát sinh kể từ khi khởi công thi công công trình đến khi hoàn thành bàn giao. Chỉ tiêu này cho phép đánh giá một cách tổng quát hiệu quả kinh tế vốn đầu tư cho một

công trình, HMCT nhưng lại không có tác dụng đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành. Vì vậy cần phải xác định giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước.

- Gía thành thực tế khối lượng công tác xây lắp hoàn thành quy ước: Là toàn bộ chi phí thực tế bỏ ra để tiến hành sản xuất một khối lượng công tác xây lắp nhất định trong một thời gian nhất định, thường là một quý và phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Phải nằm trong thiết kế và đảm bảo chất lượng thiết kế quy định.

+ Phải đo đếm được và được chủ đầu tư (bên A) chấp nhận thanh toán

+ Phải đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý

Gía thành thực tế khối lượng công tác xây lắp hoàn thành quy ước phản ánh kịp thời chi phí thực tế phát sinh trong quy trình thi công xây lắp trong kỳ, giúp DN phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và có các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành. Tuy nhiên, chỉ tiêu này không phản ánh một cách toàn diện và chính xác giá thành thực tế của khối lượng công tác xây lắp. Vì vậy trong quản lý giá thành cần phải sử dụng cả hai chỉ tiêu giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước và giá thành thực tế công trình, HMCT.

Việc nghiên cứu giá thành xây lắp có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác quản lý giá thành. Thông qua kết cấu về giá thành, ta sẽ thấy được tình hình chi phí của DN cũng như sự biến động của các khoản chi phí để có phương hướng, biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành. Đồng thời qua nghiên cứu kết cấu giá thành xây lắp của từng công trình HMCT ta sẽ thấy được ưu, nhược điểm của quá trình thi công và quản lý giá thành để rút ra kinh nghiệm cải tiến phương án sản xuất và quản lý thi công.

1.2.3. Mối quan hệ giữa CPSX và giá thành sản phẩm

Gía thành sản phẩm xây lắp	=	CPSX dở dang đầu kỳ	+	CPSX phát sinh trong kỳ	-	CPSX dở dang cuối kỳ

Về bản chất, CPSX và giá thành sản phẩm xây lắp đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà DN phải bỏ ra trong quá trình thi công

xây lắp. Nếu đối tượng xây lắp được khởi công và hoàn thành trong cùng một kỳ thì giá thành sản phẩm xây lắp chính bằng tổng chi phí thực tế phát sinh trong kỳ. Tuy nhiên CPSX và giá thành sản phẩm xây lắp cũng có những điểm riêng biệt khác nhau:

- Về chất: Chi phí thể hiện hao phí sản xuất còn giá thành thể hiện kết quả sản xuất. CPSX phản ánh hao phí trong một thời kỳ nhất định còn giá thành sản phẩm phản ánh những hao phí liên quan đến công việc hoàn thành được bàn giao nghiệm thu.

- Về lượng: Gía thành sản phẩm không bao gồm CPSX dở dang cuối kỳ, các khoản chi phí đã chi ra nhưng chờ phân bổ kỳ sau, chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên lại gồm CPSX dở dang đầu kỳ, chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước trong kỳ và CPSX trong kỳ trước được phân bổ cho kỳ sau.

Mặc dù có sự khác nhau nhưng CPSX và giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tài liệu để hạch toán CPSX là cơ sở để tính giá thành sản phẩm. Việc tổng hợp CPSX sẽ quyết định đến tính chính xác của việc tính giá thành. Ngược lại, căn cứ vào việc tính giá thành sẽ xác định được tình hình chi phí sản xuất trong kỳ là tiết kiệm hay lãng phí.

1.3. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

- **Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất**

Trong DN xây lắp đối tượng để tập hợp chi phí sản xuất là các công trình, HMCT hay khối lượng công việc, điểm dừng kỹ thuật.

- **Phương pháp kế toán chi phí sản xuất**

DN xây lắp chủ yếu có 3 phương pháp kế toán CPSX sau:

- Phương pháp kế toán CPSX theo công trình, HMCT: Phương pháp này được áp dụng khi đối tượng hạch toán chi phí là công trình, HMCT. Hàng tháng, CPSX phát sinh cho công trình nào được tập hợp và phân bổ cho công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Phương pháp kế toán chi phí theo đơn đặt hàng: Các chi phí phát sinh theo đơn đặt hàng nào được tập hợp và phân bổ theo đơn đặt hàng ấy. Tổng chi phí phát sinh theo đơn kể từ khi khởi công đến khi công trình hoàn thành là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- Phương pháp kế toán chi phi theo khối lượng công việc hoàn thành: Toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp cho đối tượng chịu chi phí. Gía thành thực tế của khối lượng công việc xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công việc xây lắp đó.

1.3.1.2. Tổ chức kế toán CPSX

- **Tổ chức chứng từ**

Bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (Trong trường hợp nguyên vật liệu không qua nhập kho mà chuyển thẳng đến chân công trình)
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng làm khoán
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng trích khấu hao
- Bảng phân bổ khấu hao
- Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

- **Tổ chức tài khoản**

Bao gồm:

- Tài khoản 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Tài khoản 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- Tài khoản 623: Chi phí sử dụng máy thi công
- Tài khoản 627: Chi phí sản xuất chung

Trong đó TK 623 và TK 627 được mở chi tiết tài khoản cấp 2.

- TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công

  + TK 6231: Chi phí nhân công

  + TK 6232: Chi phí vật liệu

+ TK 6233: Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6234: Chi phí khấu hao máy thi công

+ TK 6237: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6238: Chi phí bằng tiền khác

- TK 627: Chi phí sản xuất chung

+ TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

+ TK 6272: Chi phí vật liệu

+ TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

+ TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

- **Tổ chức sổ kế toán**

Có 4 hình thức kế toán:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Vì phạm vi hạn hẹp của bài khóa luận, cho phép em được trình bày hình thức kế toán Nhật ký chung là hình thức kế toán mà Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền áp dụng.

- **Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung**

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

+ Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt

+ Sổ cái

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

- **Trình tự ghi sổ kế toán CPSX và tính giá thành theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

SƠ ĐỒ 1.1

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG

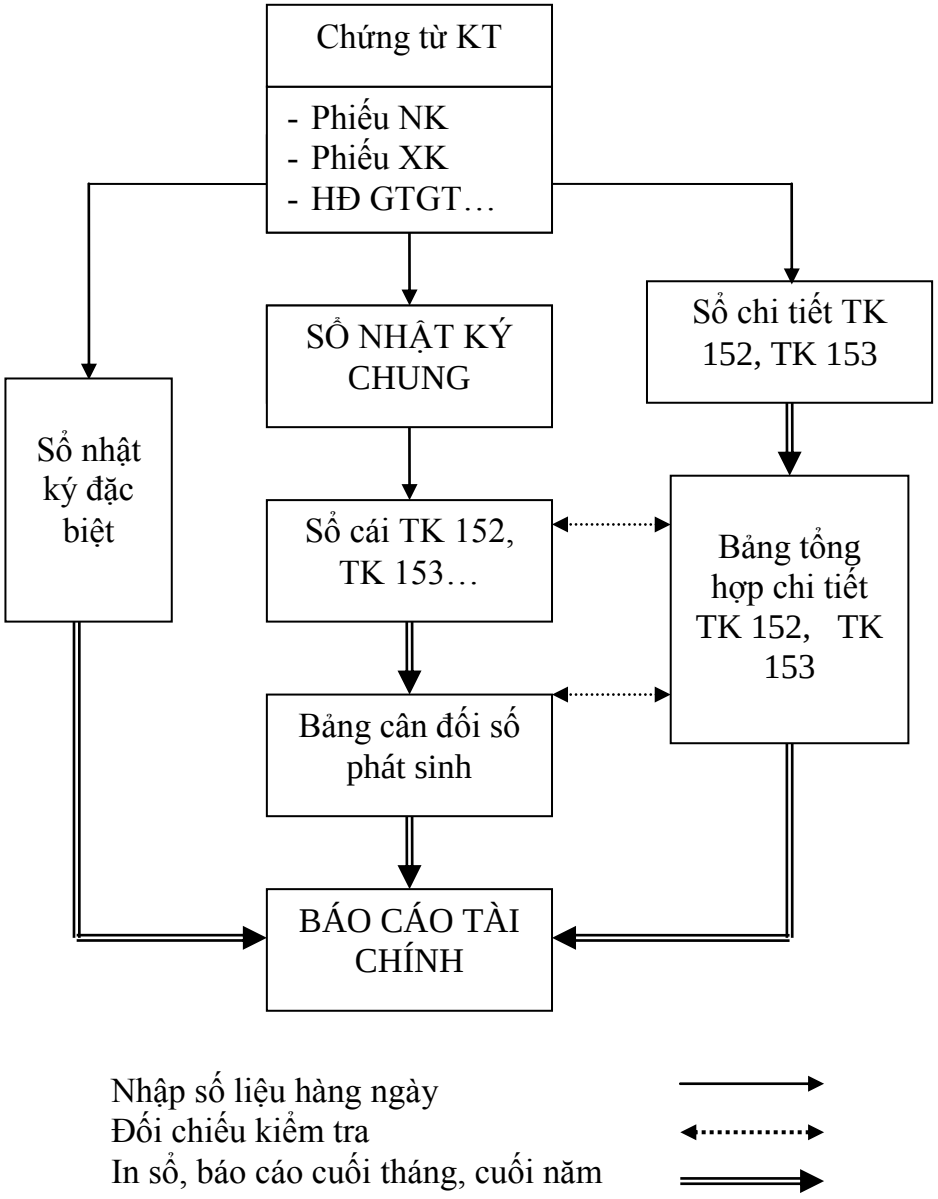

1.3.2. Trình tự và phương pháp kế toán chi phí sản xuất

1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- **Nội dung:**CP NVL TT ở đơn vị xây lắp là chi phí của các vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu, giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc… cần thiết để tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp

- **Phương pháp phân bổ CP NVLTT**

CP NVLTT có thể được tập hợp vào đối tượng chi phí theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp trực tiếp: CP NVL TT chỉ liên quan đến một đối tượng chi phí và sẽ được tập hợp, phân bổ thẳng vào đối tượng chịu chi phí đó.
- Phương pháp gián tiếp: CP NVL TT liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí. Trong trường hợp này, việc tập hợp và phân bổ CP NVL TT được tiến hành như sau:
  + Tập hợp toàn bộ CP NVL TT
  + Lựa chọn tiêu thức phân bổ rồi xác định số CP NVL TT cho từng đối tượng

$$\text{CPNVLTT phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\Sigma \text{ CPNVLTT}}{\Sigma \text{ Tiêu thức phân bổ}} * \text{Tiêu thức phân bổ cho đối tượng}$$

Các tiêu thức lựa chọn để phân bổ cho các đối tượng chịu CP NVL TT có thể là:

- Chi phí định mức
- Chí phí kế hoạch
- Khối lượng hoạt động

- **Tài khoản sử dụng:**

Để theo dõi CP NVL TT, kế toán sử dụng TK 621-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này phản ánh các CPNVLTT thực tế cho hoạt động xây lắp. Tài khoản này mở chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí (công trình, hạng mục công trình, đội xây dựng…)

- **Phương pháp hạch toán:**
  - Theo phương pháp kê khai thường xuyên

SƠ ĐỒ 1.2

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CP NVL TT (KKTX)

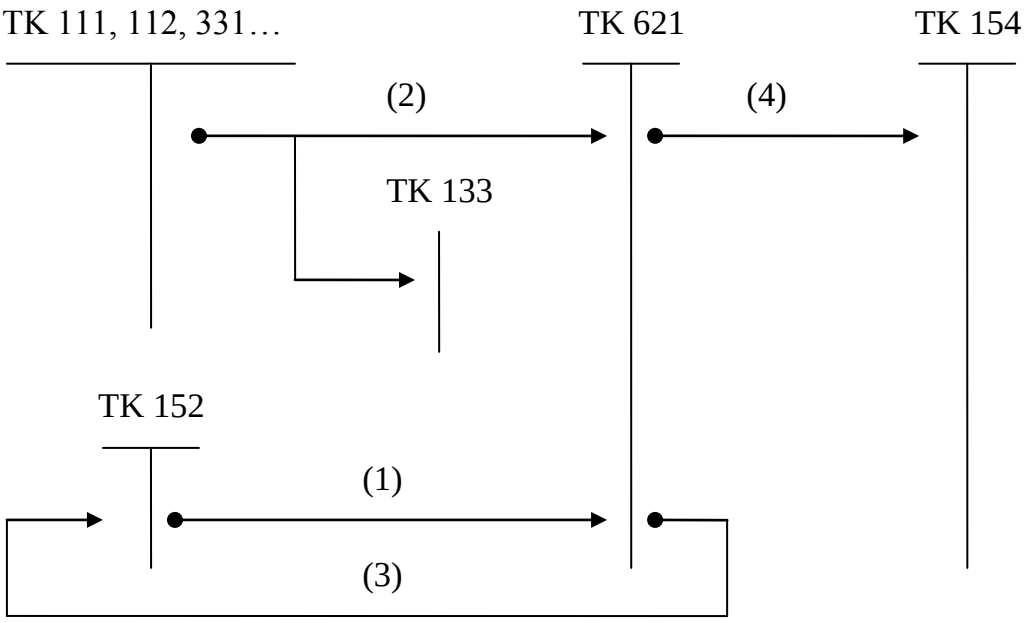

(1) Xuất NVL dùng cho xây dựng
(2) NVL mua ngoài đưa trực tiếp vào sản xuất
(3) NVL không dùng hết nhập lại kho
(4) Cuối kỳ kết chuyển CP NVL TT

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

SƠ ĐỒ 1.3

KẾ TOÁN CP NVL TT (KKĐK)

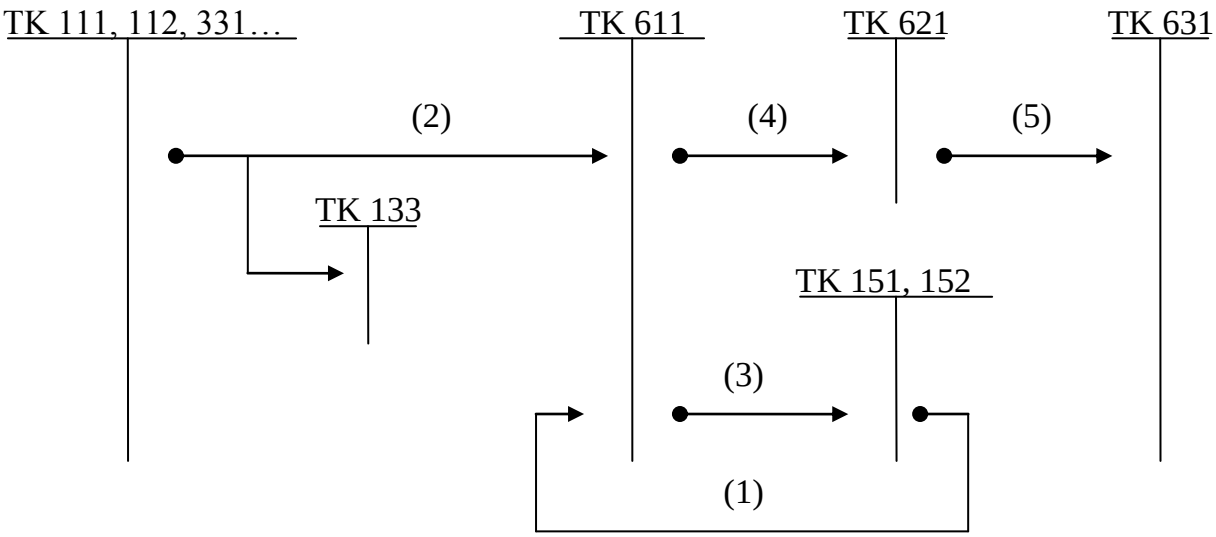

(1) Kết chuyển giá trị NVL chưa dùng đầu kỳ

(2) Gía trị NVL tăng trong kỳ

(3) NVL chưa dùng cuối kỳ

(4) Kết chuyển CPNVLTT trong kỳ

(5) Kết chuyển CPNVLTT

1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- **Nội dung:**

CPNCTT ở đơn vị xây lắp là các chi phí tiền lương chính, lương phụ, trợ cấp lương của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình. Chi phí này không bao gồm các khoản trích theo lương như : BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp xây lắp.

Các khoản BHXH (3383), BHYT (3382), KPCĐ (3384), BHTN (3389) của công nhân trực tiếp xây lắp được trích theo tỷ lệ phần trăm quy định của nhà nước: BHXH trích 15% vào chi phí, BHYT trích 2% vào chi phí, KPCĐ trích 2% vào chi phí, BHTN trích 1% vào chi phí. Và được tính dựa trên mức lương cơ bản của

công nhân trực tiếp thi công tại công trường, nhưng được hạch toán vào tài khoản 6271 theo định khoản sau:

Nợ TK 627 - chi phí sản xuất chung (6271)

Có TK 338 - phải trả phải nộp khác (3382, 3383, 3384, 3389)

- **Phương pháp phân bổ CP NC TT**

Việc tập hợp và phân bổ CPNCTT vào các đối tượng chịu chi phí cũng theo 2 phương pháp giống như CPNVLTT. Đối với trường hợp tập hợp và phân bổ CPNCTT theo phương pháp gián tiếp, các tiêu thức phân bổ có thể là:

- Chi phí tiền công định mức
- Giờ công định mức
- Giờ công thực tế
- Kết quả lao động…

- **Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán CPNCTT theo phương pháp KKTX tương tự phương pháp KKĐK, toàn bộ CPNCTT được phản ánh vào TK 622 " Chi phí nhân công trực tiếp". Tài khoản 622 được mở chi tiết theo từng công trình.

- **Phương pháp hạch toán:**

SƠ ĐỒ 1.4

KẾ TOÁN TỔNG HỢP CP NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

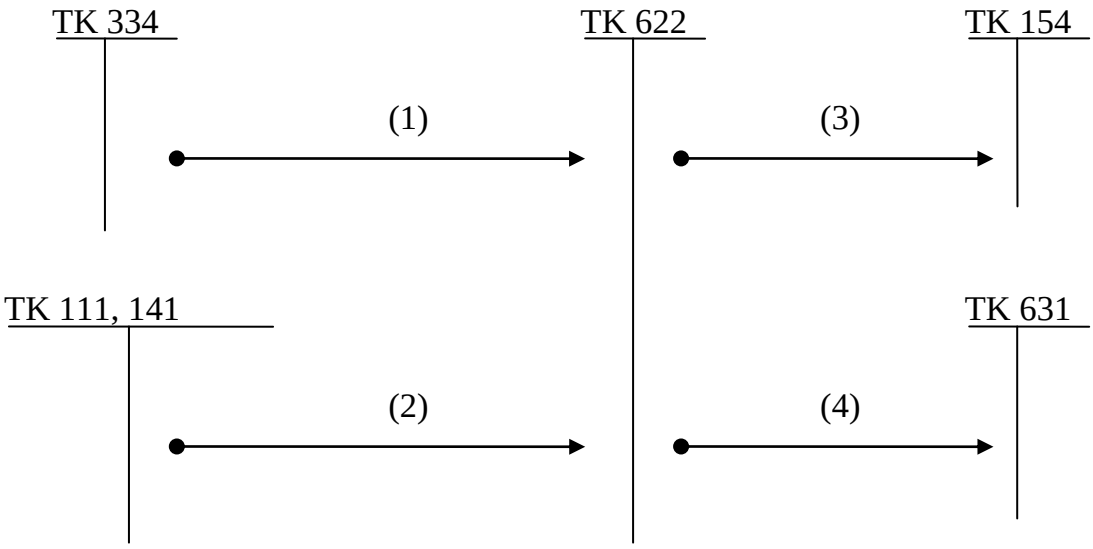

(1) Tiền lương phải trả cho công nhân xây lắp của xí nghiệp

(2) Tiền lương phải trả lao động thuê ngoài

(3) Kết chuyển CPNCTT theo phương pháp kê khai thường xuyên

(4) Kết chuyển CPNCTT theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

- **Nội dung:**

CPMTC là những khoản chi phí về sử dụng xe, máy phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây dựng công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây dựng hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng TK 623.

Không hạch toán vào TK 623 khoản trích KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN theo lương của công nhân sử dụng máy thi công. Các khoản trích này cũng được hạch toán vào tài khoản 6271 theo tỷ lệ quy định dựa trên mức lương cơ bản của công nhân sử dụng máy thi công, giống như hạch toán các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp xây lắp.

- **Phương pháp phân bổ chi phí sử dụng máy thi công**

CPMTC được phân bổ cho từng công trình theo tiêu thức phù hợp trong doanh nghiệp như: theo giờ máy sử dụng, theo CPNVLTT

- **Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán chi phí máy thi công kế toán sử dụng TK623-Chi phí sử dụng máy thi công

TK 623 không có số dư cuối kỳ. TK 623 được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

+ TK 6231: Chi phí nhân công

+ TK 6232: Chi phí vật liệu

+ TK 6233: Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6234: Chi phí khấu hao máy thi công

+ TK 6237: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6238: Chi phí bằng tiền khác

- **Phương pháp hạch toán**

- **Trường hợp thuê ngoài máy thi công:**

Toàn bộ chi phí thuê máy thi công được tập hợp vào TK 623 (Chi tiết 6237- chi phí sử dụng máy thi công).

SƠ ĐỒ 1.5

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Trường hợp thuê ngoài máy thi công

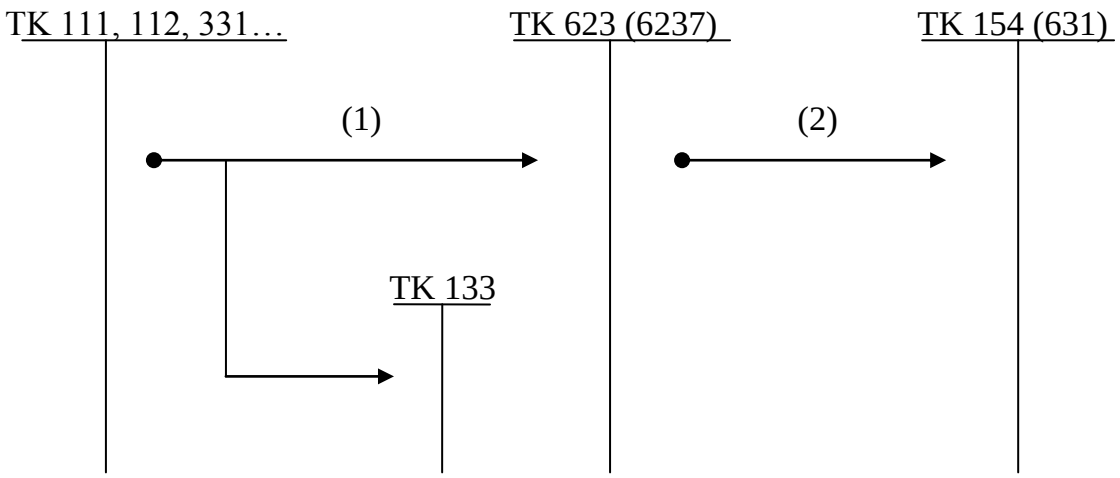

(1) Gía thuê máy thi công

(2) Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công

- **Trường hợp từng đội xây dựng có máy thi công riêng hoặc có tổ chức đội máy thi công nhưng không tổ chức kế toán riêng:**

Toàn bộ chi phí sử dụng máy thi công sẽ được tập hợp riêng vào TK 623, cuối kỳ tiến hành kết chuyển và phân bổ theo từng đối tượng.

SƠ ĐỒ 1.6

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Trường hợp từng đội xây dựng có máy thi công riêng hoặc có tổ chức đội máy thi công nhưng không tổ chức kế toán riêng

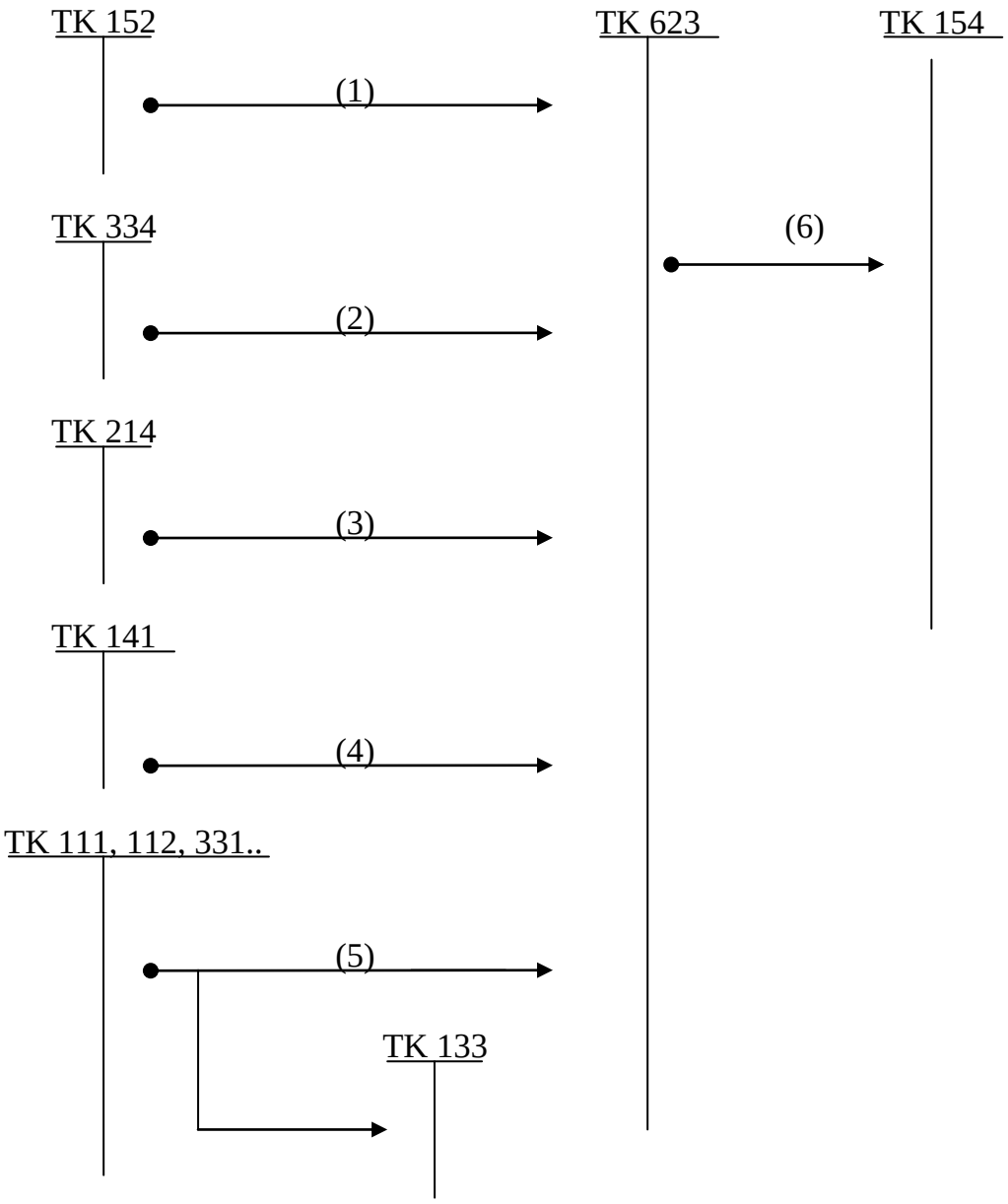

(1) Tập hợp chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho máy thi công

(2) Tiền lương công nhân sử dụng máy thi công

(3) Khấu hao máy thi công

(4) Chi phí máy thi công khối lượng quyết toán tạm ứng

(5) Chi phí dịch vụ, chi phí khác bằng tiền cho máy thi công

(6) Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công

- Trường hợp công ty có tổ chức đội máy thi công riêng và có phân cấp hạch toán cho đội máy:

Toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các tài khoản 621, 622, 627 (Chi tiết đội máy thi công). Cuối kỳ, tập hợp chi phí vào TK 154 (1541) để tính giá thành ca máy cung cấp cho từng công trình. Việc hạch toán được tiến hành như sau:

SƠ ĐỒ 1.7

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Trường hợp công ty có tổ chức đội máy thi công riêng và có phân cấp hạch toán

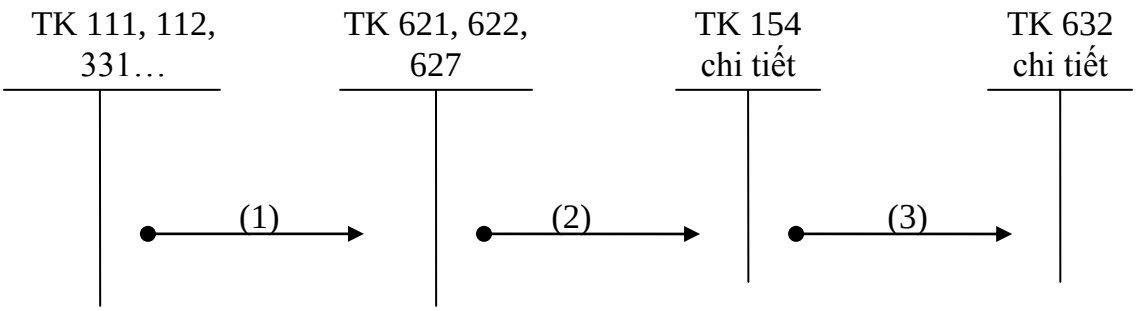

(1) Tập hợp chi phí hoạt động của đội máy thi công

(2) Tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công

(3) Xác định CPMTC cho từng công trình

1.3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

- **Nội dung:**

CPSXC ở đơn vị xây lắp là chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng gồm: lương của nhân viên quản lý đội xây dựng, các khoản trích theo lương (bao gồm các khoản trích theo lương của của nhân viên quản lý đội, công nhân trực tiếp xây lắp và công nhân sử dụng máy thi công), chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí khác phát sinh liên quan đến hoạt động của đội…

- **Phương pháp phân bổ chi phí sản xuất chung**

CPSXC có thể được tập hợp và phân bổ theo phương pháp gián tiếp. Các tiêu thức phân bổ có thể là:

- CP NVL TT
- CP NC TT
- Định mức CPSXC
- Số giờ máy chạy

CP SXC nên được chia ra thành định phí sản xuất chung và biến phí sản xuất chung để tiện cho việc quản lý trong doanh nghiệp.

- **Tài khoản sử dụng:**

Để kế toán CPSXC thì sử dụng TK627- Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết cho đội, công trường xây dựng…

TK 627 không có số dư cuối kỳ.TK 627 có 6 tài khoản cấp 2:

+ TK 6271: Chi phí lương nhân viên phân xưởng

+ TK 6272: Chi phí vật liệu

+ TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

+ TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

- **Phương pháp hạch toán:**

SƠ ĐỒ 1.8

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

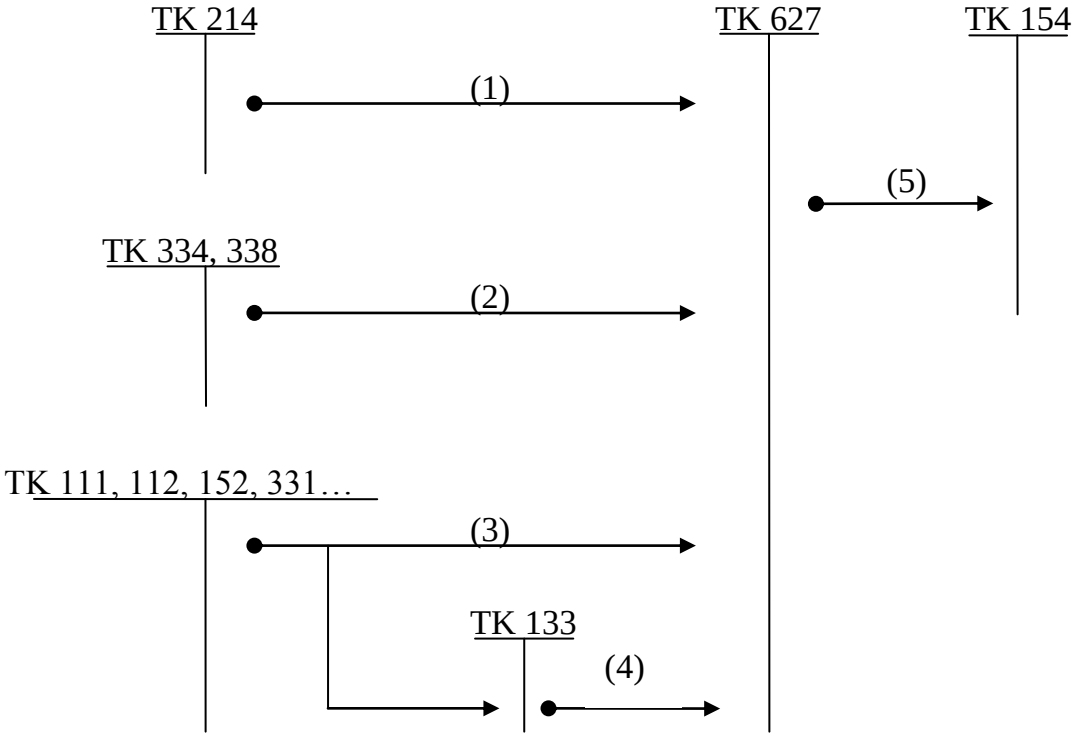

(1) Khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội

(2) Lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương

(3) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác…

(4) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ

(5) Kết chuyển chi phí sản xuất chung

1.3.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

- **Nội dung:**

Trong các DN xây lắp, do đặc điểm của ngành nên các DN thường dùng phương pháp kê khai thường xuyên để tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh, phục vụ cho việc tính giá thành.

- **Tài khoản sử dụng:** Kế toán sử dụng TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. TK này dùng để tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp. TK này mở chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí

- **Phương pháp hạch toán:**

SƠ ĐỒ 1.9

KẾ TOÁN TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

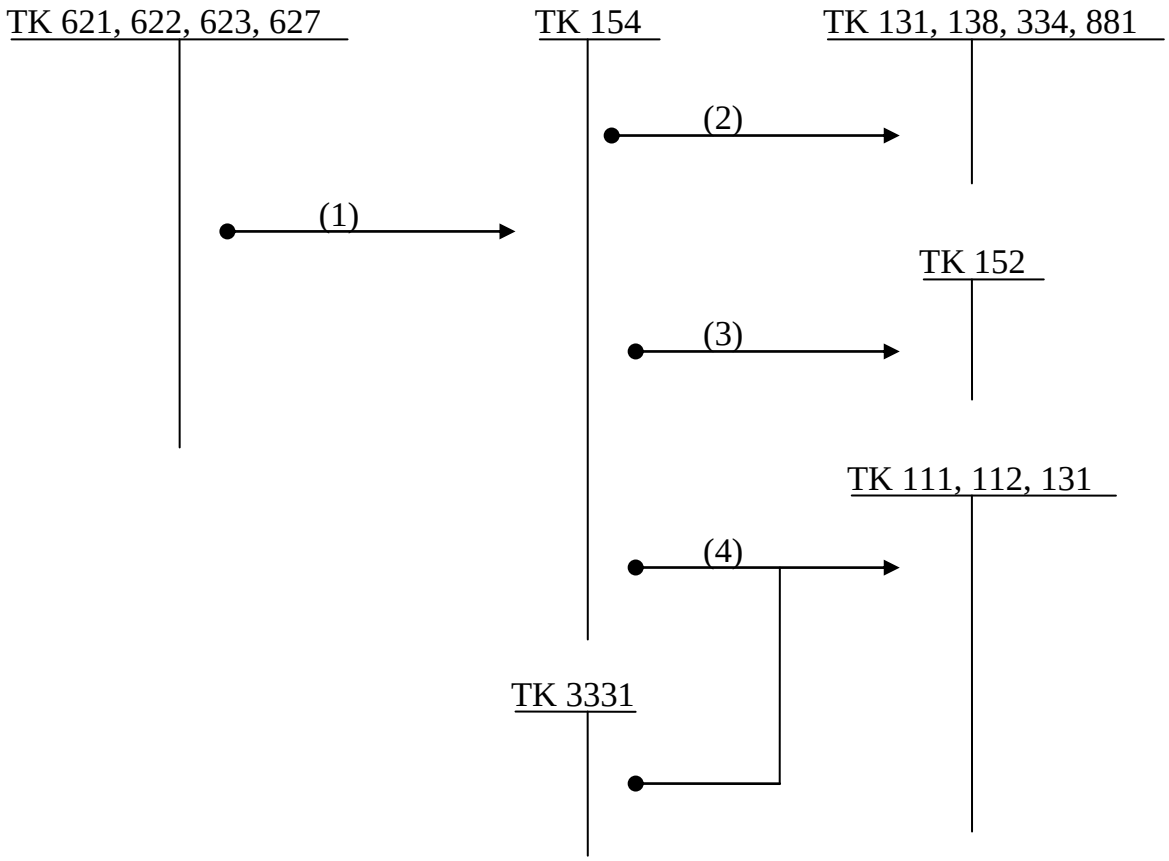

(1) Tập hợp chi phí sản xuất

(2) Thiệt hại trong sản xuất xây lắp

(3) Nguyên vật liệu thừa nhập lại kho hoặc phế liệu thu hồi nhập kho

(4) Phản ánh vật liệu thừa và phế liệu thu hồi không qua nhập kho mà tiêu thụ ngay hoặc phản ánh số thu về thanh lý máy móc thiết bị thi công

1.3.4. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm xây lắp có tính đơn chiếc, thời gian thi công dài nên kỳ tính giá thành sản phẩm không trùng với kỳ kế toán mà tính giá thành bắt đầu khi khởi công công trình đến khi kết thúc hoàn thành bàn giao công trình. Trong kỳ kế toán, kế toán chỉ hạch toán chi phí sản xuất phát sinh của kỳ đó theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Khi công trình hoàn thành, căn cứ vào chi phí phát sinh của mỗi công

trình để tính gía thành. Để tính giá thành sản phẩm trước hết phải kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang.

Sản phẩm dở dang có thể là công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành hay khối lượng xây lắp dở dang trong kỳ chưa được chủ đầu tư nghiệm thu chấp nhận thanh toán.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần chi phí trong kỳ cho khối lượng sản phẩm làm dở cuối kỳ theo nguyên tắc nhất định.

Để xác định được giá thành sản phẩm một cách chính xác cần phải đánh giá chính xác sản phẩm làm dở cuối kỳ trên cơ sở tổ chức kiểm kê chính xác khối lượng sản phẩm, công tác xây lắp hoàn thành trong kỳ đồng thời xác định đúng đắn khối lượng sản phẩm hoàn thành so với khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy ước của từng giai đoạn thi công để xác định khối lượng xây lắp dở dang, phát hiện tổn thất trong quá trình thi công.

Việc tính giá sản phẩm dở dang trong xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán giữa bên nhận thầu và bên giao thầu:

+ Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành toàn bộ thì sản phẩm xây lắp dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến thời điểm kiểm kê cuối tháng.

+ Nếu quy định thanh toán theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được đánh giá theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn còn dở dang theo giá trị dự toán của chúng.

$$\text{Gía trị KL xây lắp DD cuối kỳ} = \frac{\text{CPSXKD dở dang đầu kỳ} + \text{CPSXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Gía trị KL XL hoàn thành theo dự toán} + \text{Gía trị KL XL dở dang cuối kỳ theo dự toán}} * \text{Gía trị KL XL dở dang cuối kỳ theo dự toán}$$

1.3.5. Tính giá thành sản phẩm xây lắp

1.3.5.1. Xác định đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là các HMCT đã hoàn thành, các giai đoạn công việc đã hoàn thành, khối lượng xây lắp có tính dự toán riêng đã hoàn thành…

1.3.5.2. Phương pháp tính giá thành xây lắp

Phương pháp tính giá thành trong các DN xây lắp có thể là phương pháp tính trực tiếp, phương pháp tổng cộng chi phí, phương pháp hệ số hoặc tỷ lệ…

Trong DN xây lắp, sản phẩm cuối cùng là các công trình, HMCT xây dựng xong và đưa vào sử dụng. Vì vậy, các DN xây lắp thường sử dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành sản phẩm xây lắp. Theo phương pháp này, tổng cộng chi phí được tập hợp cho một công trình, HMCT là giá thành của công trình, HMCT ấy. Tuy nhiên do đặc điểm của sản xuất xây lắp và phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, trong kỳ báo cáo có thể có một bộ phận công trình hoặc khối lượng (xác định được giá trị dự toán)… hoàn thành được thanh toán với chủ đầu tư. Vì vậy trong từng thời kỳ báo cáo ngoài việc tính giá thành các hạng mục công trình đã hoàn thành phải tính giá thành khối lượng công tác xây lắp hoàn thành và bàn giao trong kỳ. Gía thành công tác xây lắp trong kỳ báo cáo được tính theo công thức:

Gía thành thực tế của KL XL hoàn thành bàn giao	=	Chi phí thực tế dở dang đầu kỳ	+	Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ	-	Chi phí thực tế dở dang cuối kỳ

1.4. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong điều kiện áp dụng kế toán máy

1.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Hình thức kế toán Nhật ký chung, Nhật ký

sổ cái, Chứng từ ghi sổ và Nhật ký chứng từ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính theo Hình thức Nhật ký chung

SƠ ĐỒ 1.10

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH

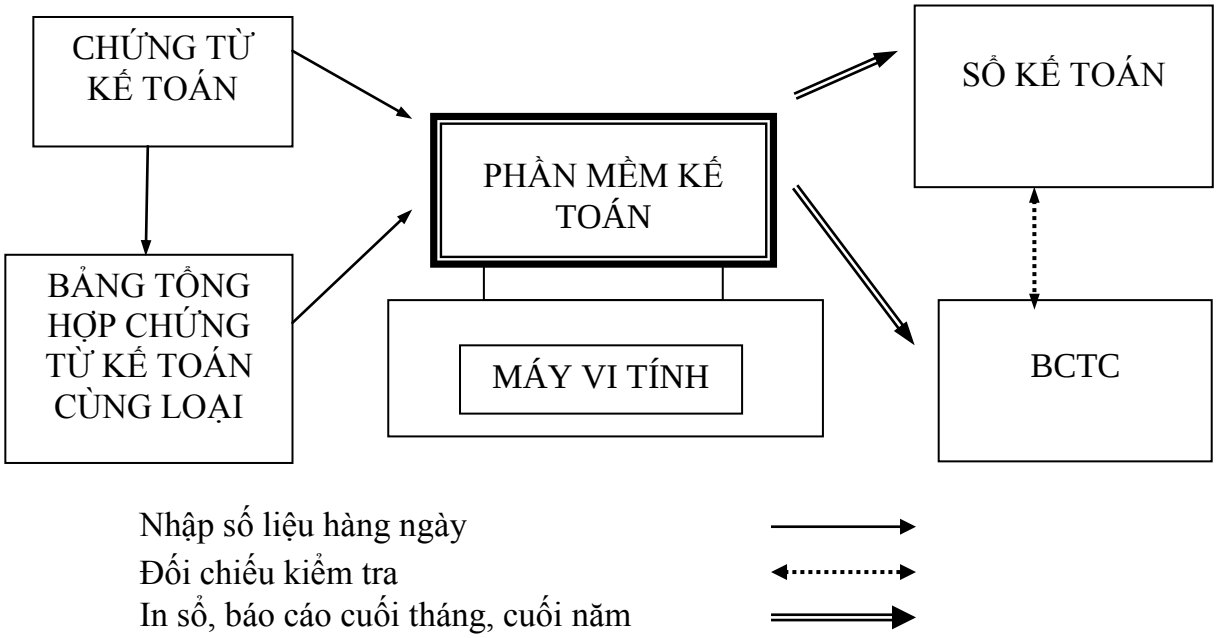

(a) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, sau khi các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

(b) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể

kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối kỳ sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý tương tự như quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NGÔ QUYỀN

2.1. Tổng quan về công ty cổ phần xây dựng ngô quyền

2.1.1. Qúa trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng Ngô Quyền theo quyết định số 2047/QĐ- UB ngày 01/09/2005, trước khi chuyển đổi Công ty là một doanh nghiệp Nhà nước hạng I, được thành lập từ năm 1982 đến nay đã có nhiều năm xây dựng và phát triển. Đây là công ty xây dựng chuyên ngành đã từng xây dựng nhiều công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng với quy mô lớn trong thành phố và các tỉnh lân cận như: Trụ sở chi cục thuế Hồng Bàng , chi nhánh kho bạc Nhà nước huyện Cát Hải, trụ sở xí nghiệp xăng dầu K131 Thuỷ Nguyên.

Công ty có xí nghiệp sản xuất bê tông tại số 1 đường 351 Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng với dây chuyền sản xuất và vận chuyển đồng bộ của hãng KABAG chuyên gia hàng đầu thế giới trong lĩnh vực xây dựng của CHLB Đức chế tạo, với công nghệ tiên tiến mới nhất đã cung cấp bê tông chất lượng cao cho mọi cấp phối, vì có tính cơ động, trạm trộn có thể di chuyển tới mọi công trình xây dựng trên phạm vi toàn quốc, được cấp chứng chỉ ISO 9001:2000.

Ngoài ra, Công ty còn mở rộng sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng kính xây dựng, các máy móc phục vụ cho ngành xây dựng.

Thực hiện quyết định số 1191/QĐUB- ĐMDN ngày 18/ 07 /1998 của UBND thành phố Hải Phòng, về việc sát nhập Công ty VLXD vào Công ty Xây dựng Ngô Quyền thành Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền, ngoài những chức năng nhiệm vụ trên Công ty được bổ sung thêm nhiệm vụ tư vấn, thiết kế các công trình, san lấp mặt bằng, khai thác kinh doanh vật liệu xây dựng, vận tải đường thuỷ nội địa… Để đứng vững trong cơ chế thị trường Công ty gặp không ít những khó khăn nhưng bằng tài năng, trí tuệ, sự năng động trong việc của tập thể cán bộ công nhân

viên và không ngừng đổi mới công nghệ sản xuất, trẻ hoá đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật.

Năm 1999 Công ty mở rộng quan hệ liên doanh với các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước, đầu tư dây chuyền khoan cọc nhồi để xử lý nền móng cho các công trình cao tầng và các cầu lớn.

Do nhu cầu sản xuất kinh doanh, năm 2001 Công ty đã thành lập chi nhánh tại Hưng Yên để xây dựng các công trình của bạn hàng.

Năm 2003 Công ty thành lập chi nhánh tại Quảng Ninh để xây dựng các công trình mở rộng quan hệ trong nước.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền

Tên giao dịch quốc tế: Ngo Quyen construction joint tock company

Trụ sở: 149 Hai Bà Trưng – Quận Lê Chân – Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (8431)3510891

Fax: (8431)739380

Tài khoản: 102010000207735 tại Ngân hàng Công thương Lê Chân – 189 Hai Bà Trưng Lê Chân Hải Phòng

Vốn điều lệ và cơ cấu : 9.900.000.000 đ

Vốn nhà nước chiếm 51,5%: 5.100.000.000 đ

Vốn cổ đông chiếm 48,5%: 4.800.000.000 đ

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý

2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

- Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng
- Sản xuất bê tông thương phẩm
- Kinh doanh vật liệu xây dựng
- Kinh doanh và phát triển nhà
- Sửa chữa phương tiện thủy nội địa
- Tư vấn thiết kế các công trình…

Do thời gian thực tập có hạn, các xí nghiệp của công ty lại được đặt ở nhiều vị trí khác nhau nên thời gian thực tập chủ yếu của em là tại xí nghiệp xây lắp số 4

địa chỉ số 23 Đinh Nhu - Niệm Nghĩa và tại văn phòng tổng công ty địa chỉ số 149 Hai Bà Trưng - Lê Chân. Vì vậy em xin lấy dẫn chứng minh họa về công tác kế toán CPSX và tính giá thành tại công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền đối với công trình "Xây dựng đường trục chính qua khu công nghiệp Đình Vũ"

Công trình này được Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền giao khoán cho xí nghiệp xây lắp số 4 thi công.

Đây là công trình có thời gian thi công dài đang trong giai đoạn hoàn thiện, các khoản chi phí được tập hợp về phòng kế toán của công ty theo tháng. Chi phí sản xuất của công trình này được tập hợp vào ngày 31/12 hàng năm để tính giá thành khối lượng công việc hoàn thành theo yêu cầu của chủ đầu tư.

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Là một DN cổ phần với vốn Nhà nước chiếm 51,5% có quy mô tương đối lớn, bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Theo mô hình này, bộ máy quản lý của công ty trở nên gọn nhẹ, đảm bảo được chế độ một thủ trưởng.

Công ty xây dựng một cơ chế khoán, đảm bảo lấy thu bù chi có lãi, các xí nghiệp dựa vào thị trường để xây dựng kế hoạch cho mình, trình công ty phê duyệt và tìm kiếm giải pháp thực hiện kế hoạch. Ngay sau khi được phê duyệt xí nghiệp chủ động khai thác mọi năng lực và vật lực để thực hiện trong đó có sự hỗ trợ về mọi mặt của công ty. Định kỳ, hàng tuần, hàng tháng, có sự trao đổi bàn bạc trong các cuộc giao ban thông qua các đầu ngành nhằm mục đích phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch, về giá trị hàng hóa thực hiện, về lợi nhuận, về nộp thuế.

Bộ máy quản lý của công ty như sau:

SƠ ĐỒ 2.1

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG NGÔ QUYỀN

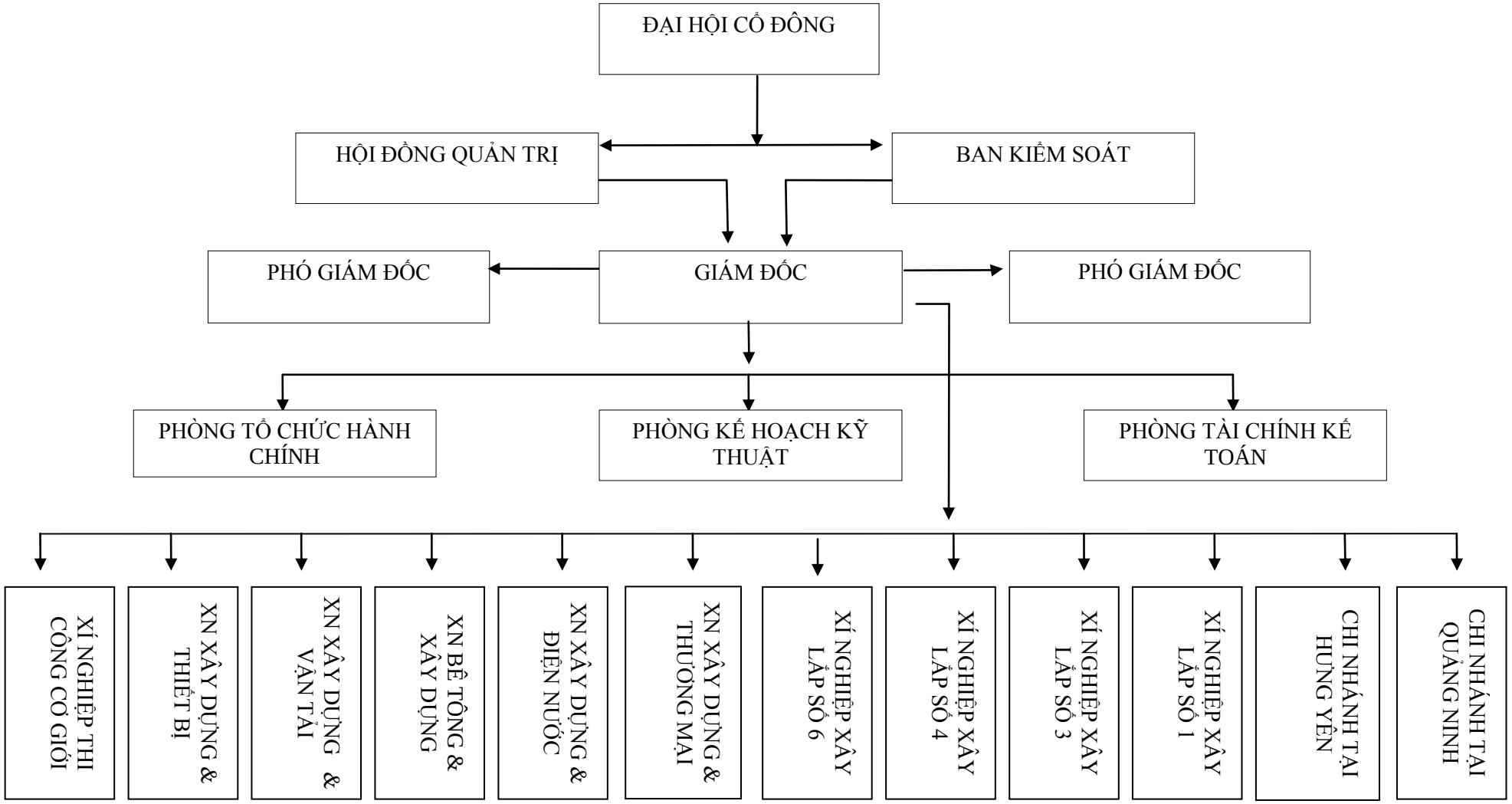

- Đại hội cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, thực thi tất cả các quyền hạn của công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của hội đồng quản trị
- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý, hàng năm trước khi gửi lên Hội đồng quản trị
- Giám đốc công ty : là người chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, sản xuất và thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước. Có quyền quyết định cơ cấu tổ chức, gọn nhẹ, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Phó giám đốc: Là người giúp việc cho giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có trách nhiệm tham mưu cho giám đốc về các hoạt động của công ty
- Phòng tổ chức hành chính: giúp giám đốc xây dựng cơ cấu bộ máy của công ty, của các xí nghiệp, các phòng ban một cách hợp lý gọn nhẹ. Đề xuất xây dựng cơ cấu hoạt động đồng thời giám sát việc thực hiện cơ chế đó
- Phòng kế hoạch kỹ thuật: Kết hợp các xí nghiệp phòng ban xây dựng các kế hoạch, cuối năm tổng kết các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch. Thu thập thông tin cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty đồng thời tham gia đề nghị xử lý thông tin theo yêu cầu của sản xuất. Tính toán xử lý các bài thầu trong xây dựng cơ bản của công ty tính toán phân tích các dự án đầu tư có hiệu quả trình giám đốc phê duyệt để thực hiện các đề án đó khi thị trường đòi hỏi.
- Phòng tài chính kế toán: Có chức năng nhiệm vụ phản ánh với giám đốc tất cả các hoạt động của đơn vị gồm các tài sản, vật tư hàng hóa, tiền vốn dưới hình thái tiền tệ
- Xí nghiệp xây dựng và vận tải: Có chức năng tổ chức thi công các công trình của công ty và kinh doanh vật liệu xây dựng phù hợp với chức năng chung của công ty
- Xí nghiệp bê tông và xây dựng: Có chức năng sản xuất kinh doanh bê tong thương phẩm, xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp.

- Xí nghiệp xây dựng và sửa chữa thiết bị: Có nhiệm vụ tổ chức kinh doanh, dịch vụ thủy nội địa, sửa chữa các phương tiện, thiết bị thủy bộ
- Xí nghiệp thi công cơ giới: Có chức năng cho thuê máy móc thiết bị phục vụ các công trình
- Xí nghiệp xây dựng và điện nước: Có nhiệm vụ làm cơ sở hạ tầng cấp thoát nước, đường điện phục vụ công trình
- Xí nghiệp xây dựng và thương mại: Có nhiệm vụ xây dựng, kinh doanh cá loại hàng hóa phục vụ các công trình
- Các chi nhánh tại Quảng Ninh, Hưng Yên: Có nhiệm vụ thi công các công trình tại Quảng Ninh, Hưng Yên
- Các xí nghiệp xây lắp: Có nghiệm vụ trực tiếp thi công các công trình xây dựng

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Phòng kế toán của công ty gồm 6 thành viên có trách nhiệm hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đang áp dụng hình thức kế toán vừa tập trung vừa phân tán vì dưới công ty có 10 xí nghiệp thành viên và 2 chi nhánh, áp dụng hình thức này các xí nghiệp được chủ động hoạt động sản xuất kinh doanh của mình

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác kế toán, công ty tổ chức bộ máy kế toán như sau:

SƠ ĐỒ 2.2

BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG NGÔ QUYỀN

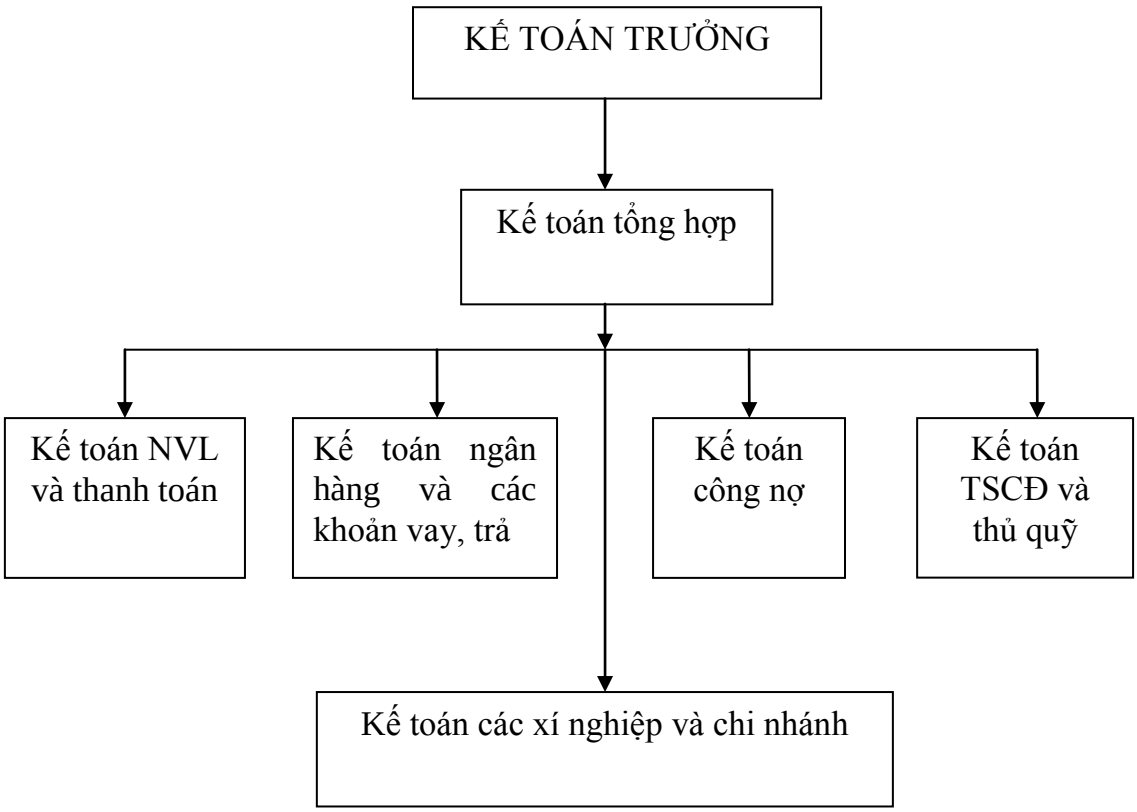

- Kế toán trưởng: Kế toán trưởng có chức năng nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan cấp trên, cơ quan thuế, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình mà cụ thể là các xí nghiệp thành viên của công ty. Từ đó đề ra biện pháp xử lý hợp lý
- Kế toán tổng hợp: có chức năng nhiệm vụ tổng hợp và lập báo cáo tài chính
- Kế toán nguyên vật liệu và thanh toán: Là người phụ trách về nguyên vật liệu, tập hợp chi phí nguyên vật liệu để tính giá thành bê tông và giá thành công trình. Theo dõi các khoản thu chi tiền mặt của công ty, đồng thời theo dõi xí nghiệp bê tông
- Kế toán ngân hàng và khoản vay trả: Là người chịu trách nhiệm thanh toán và giao dịch với ngân hàng về các khoản vay nợ, chuyển tiền… Phụ trách về việc theo dõi các khoản nợ của công ty với ngân hàng, các khoản tiền gửi nhu cầu

vốn của đơn vị, đồng thời theo dõi xí nghiệp xây lắp số 4 và xí nghiệp xây dựng điện nước

- Kế toán công nợ: Là người theo dõi hạch toán các công nợ đối với khách hàng, các khoản phải thu, phải trả nội bộ dựa trên báo cáo của các kế toán tại 4 xí nghiệp xây lắp và 2 chi nhánh
- Kế toán TSCĐ và thủ quỹ: Ngoài công việc thủ quỹ còn phải chịu trách nhiệm về mảng TSCĐ của công ty, tính khấu hao phân bổ vào chi phí TSCĐ và theo dõi xí nghệp xây dựng thương mại

Tại các xí nghiệp thành viên và 2 chi nhánh đều có một kế toán thực hiện hạch toán tại xí nghiệp hoặc chi nhánh đó và báo sổ về công ty

2.1.3.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền

Những thành tựu vượt bậc của khoa học kỹ thuật ngày nay là công cụ giúp đỡ đắc lực cho những nhà quản lý kinh tế. Hòa nhập với những thành tựu về công nghệ thông tin Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền đã sớm đầu tư đưa phần mềm kế toán áp dụng cho công ty mình. Công ty tự thiết kế phần mềm kế toán cho mình theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Phần mềm kế toán công ty thiết kế riêng nên rất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, đặc biệt là với doanh nghiệp xây lắp. Phần mềm kế toán của công ty đơn giản, dễ sử dụng và rất hiệu quả.

Đối với phần hành tập hợp chi phí và tính giá thành sản xuất, chứng từ làm căn cứ để nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán là:

- Hóa đơn GTGT
- Các loại Bảng kê (bảng kê vật tư, bảng kê dịch vụ mua ngoài, bảng kê chi phí khác)
- Các loại Bảng phân bổ (phân bổ chi phí chờ kết chuyển, bảng phân bổ chi phí sản xuất chung, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương)
- Bảng tổng hợp khối lượng giao khoán
- Bảng chấm công (của công nhân trực tiếp thi công và của nhân viên quản lý phân xưởng)

- Bảng thanh toán lương (của công nhân trực tiếp thi công và của nhân viên quản lý phân xưởng)
- ….

Căn cứ vào các hóa đơn chứng từ liên quan, kế toán tổng hợp nhập dữ liệu vào máy tính. Sau đó phần mềm kế toán sẽ tự động chuyển số liệu đến các sổ kế toán.

2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền

2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất

2.2.1.1. Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất tại công ty

Sản phẩm chính công ty sản xuất là các công trình xây dựng. Đối tượng được công ty sử dụng để ký kết hợp đồng là các công trình, do vậy đối tượng tập hợp chi phí thi công của công ty là từng công trình. Trong trường hợp công trình lớn hoặc bên chủ đầu tư công trình yêu cầu thì công ty tổ chức kế toán chi phí theo hạng mục công trình . Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất ở công ty là chi phí phát sinh tại công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình đó. Đối với chi phí phát sinh dùng cho nhiều công trình thì công ty tiến hành phân bổ theo CPNCTT.

2.2.1.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất tại công ty

Để phù hợp với đặc điểm của ngành XDCB, của sản phẩm xây lắp cũng như tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty thì đối tượng tập hợp CPSX mà công ty xác định đó là từng công trình, HMCT. Xác định đối tượng tập hợp chi phí là cơ sở để tính toán giá thành của các công trình, HMCT. Từ đó xác định được kết quả kinh doanh ở từng công trình.

Hiện nay công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền tập hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo các khoản mục chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK621)
- Chi phí nhân công trực tiếp (TK622)
- Chi phí sản xuất chung (TK627)

Ở công ty Cổ phần xây dựng Ngô Quyền toàn bộ máy thi công là máy đi thuê, công ty trả tiền thuê máy theo tháng, toàn bộ chi phí liên quan đến máy thi công như chi phí nhân công, chi phí vật liệu…bên cho thuê có trách nhiệm chi trả do vậy công ty không sử dụng tài khoản chi phí sử dụng máy thi công (TK623). Chi phí thuê máy thi công được công ty hạch toán vào tài khoản 6277 (chi phí dịch vụ mua ngoài)

2.2.1.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại công ty

Ở công ty cổ phần Xây dựng Ngô Quyền, CPSX được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp hoàn thành. Do vậy phương pháp tập hợp CPSX sản phẩm xây lắp của công ty là phương pháp trực tiếp và phương pháp phân bổ gián tiếp đối với chi phí sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, sử dụng các tài khoản 621, 622, 627

Tài khoản 621: Công ty dùng phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, công trình, hạng mục công trình.

Tài khoản 622: Công ty dùng phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất. Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả, phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất.

Tài khoản 627: Công ty dùng phản ánh chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ở đội nhận thầu hoặc công trình xây lắp trong quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện các lao vụ, dịch vụ gồm: chi phí nhân viên, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài (bao gồm cả chi phí thuê máy thi công) và các khoản chi phí bằng tiền khác.

Ngoài ra công ty còn sử dụng tài khoản liên quan khác đến việc tập hợp chi phí sản xuất như TK141, TK136, TK336…

Trên thực tế, công ty thường thực hiện hạch toán kế toán khoán gọn công trình, HMCT cho xí nghiệp. Khi nhận được hợp đồng thi công cùng với bản dự toán chi phí của công trình hay HMCT, công ty giao khoán cho xí nghiệp theo định mức như sau:

- Xí nghiệp lĩnh 86%

- Công ty giữ lại 14% trong đó 4% tính vào lợi nhuận của công ty, 10% để nộp thuế.

Công ty khoán gọn 86% trên tổng giá quyết toán công trình cho xí nghiệp thi công công trình. Xí nghiệp phải đảm bảo thi công công trình theo đúng bản thiết kế và phải đảm bảo chất lượng công trình. Các khoản mục chi phí của công trình do xí nghiệp tính toán và thi công, công ty chỉ hạch toán các khoản mục chi phí đó dựa trên các bảng kê chi tiết và các chứng từ gốc mà xí nghiệp chuyển lên. Khi công trình hoàn thành thì đại diện của xí nghiệp, đại diện của công ty cùng đại diện của chủ đầu tư công trình xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng công trình theo đúng nội dung trong hợp đồng đã ký kết. Nếu không còn gì vướng mắc thì công ty tiến hành bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

Nếu tổng chi phí sản xuất của công trình đúng bằng 86% trên tổng giá quyết toán thì xí nghiệp hòa vốn. Nếu tổng CPSX của công trình lớn hơn 86% trên tổng giá quyết toán thì xí nghiệp kinh doanh lỗ, khoản lỗ của xí nghiệp chính là khoản chênh lệch giữa CPSX thực tế phát sinh với 86% trên tổng giá quyết toán và trên công ty không có chính sách bù đắp khoản lỗ này cho xí nghiệp. Còn nếu tổng CPSX của công trình nhỏ hơn 86% trên tổng giá quyết toán thì xí nghiệp kinh doanh có lãi, khoản lãi của xí nghiệp chính là khoản chênh lệch giữa CPSX thực tế phát sinh với 86% trên tổng giá quyết toán và đối với khoản lãi này thì xí nghiệp phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% của khoản chênh lệch đó.

2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán giá thành sản phẩm

2.2.2.1. Đối tượng tính giá thành

Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các công trình, các giai đoạn công việc đã hoàn thành, hoặc HMCT lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành

2.2.2.2. Phương pháp tính giá thành

Căn cứ vào đặc điểm của công ty: sản phẩm có giá trị lớn, quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, thời gian thi công dài, địa điểm các công trình phân bố rộng, đối tượng tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc hoàn thành nên phương pháp tính giá thành sản phẩm mà công ty áp dụng là phương pháp tính giá thành trực tiếp theo từng công trình, HMCT, điểm

dừng kỹ thuật hợp lý. Theo phương pháp này, tập hợp CPSX phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình, điểm dừng kỹ thuật từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao chính là giá thành thực tế của công trình, HMCT đó.

Do sản phẩm của công ty là xây lắp các công trình, HMCT đòi hỏi chất lượng kỹ thuật thi công công trình cao nên việc đánh giá khối lượng công việc hoàn thành được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ gồm các bước sau:

Bước 1: Nghiệm thu nội bộ

Ban kỹ thuật xây dựng, đội xây dựng tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền công xây dựng cho công nhân đồng thời làm căn cứ để lập báo cáo nghiệm thu bước 2

Bước 2: Nghiệm thu cơ sở

Thường do cán bộ của ban quản lý dự án (chủ đầu tư) cùng với công ty thực hiện. Số liệu này dung làm căn cứ để lập báo cáo

Bước 3: Nghiệm thu thanh toán

Nghiêm thu thanh toán thường được nghiệm thu theo hạng mục hoàn thành. Thành phần tham gia gồm các giám sát kỹ thuật của ban quản lý dự án, cán bộ giám sát thiết kế và công ty. Căn cứ vào số liệu nghiệm thu này, công ty lập hồ sơ thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành

Bước 4: Nghiệm thu công trình hoàn thành

Thường được thực hiện khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Thành phần tham gia nghiệm thu như bước 3, ngoài ra có một số cơ quan cấp trên và một số cơ quan liên quan. Đại diện bên A (chủ đầu tư) cùng bên B (đơn vị thi công) tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng làm cơ sở thanh quyết toán công trình

2.2.3. Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty

2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

CP NVL TT là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm. Vì vậy, việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu chính xác, hợp lý, trung thực là hết sức quan trọng giúp công ty xác định chi phí bỏ ra, tránh lãng phí, mất mát, tính đúng và tính đủ giá thành sản phẩm.

NVL của công trình gồm nhiều loại, chủ yếu phải mua theo giá thị trường. Điều này là tất yếu của nền kinh tế thị trường nhưng lại gây nhiều khó khăn cho công tác hạch toán khoản mục chi phí NVL do thời gian xây dựng thường kéo dài nên có nhiều biến động về giá cả theo sự biến động của thị trường.

Căn cứ vào dự toán khối lượng xây lắp và định mức tiêu hao vật tư, các đội tiến hành bóc chi phí vật tư, lập bảng kế hoạch mua vật tư, trình lên giám đốc xí nghiệp (đội trưởng) duyệt rồi tiến hành mua vật tư phục vụ cho quá trình thi công đúng với yêu cầu và tiến độ thi công.

Nguyên vật liệu mua về không qua kho mà được chuyển trực tiếp tới chân các công trình, do các đội trực tiếp quản lý.

Trên cơ sở hóa đơn người bán hàng kế toán xí nghiệp tiến hành vào sổ theo dõi công nợ phải trả người bán hoặc chi trả tiền trực tiếp cho nhà cung cấp, hoặc trả qua ngân hàng.

CP NVL được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng (là các công trình, HMCT) theo giá thực tế của từng vật liệu xuất dùng (giá ghi trên hóa đơn không tính thuế).

Tài khoản sử dụng:

- TK 621: chi phí NVL trực tiếp và các tài khoản đối ứng liên quan như 141, 111, 112…
- Chứng từ sử dụng: HĐ GTGT, Hợp đồng kinh tế, Phiếu chi, giấy báo nợ…
- Sổ kế toán sử dụng: Sổ chi tiết TK 621, NKC

Cụ thể: Quy trình tập hợp CP NVL phát sinh ở công trình "Xây dựng đường trục chính qua khu công nghiệp Đình Vũ" như sau:

- Ngày 10/12/2009 mua cát đen xuất thẳng cho công trình. Bên bán xuất Hóa đơn GTGT (Biểu 1)
- Khi vật liệu về đến chân công trình, cán bộ kỹ thuật kiểm tra chất lượng và số lượng vật liệu rồi lập biên bản giao nhận vật tư (Biểu 2)

Cuối tháng, kế toán xí nghiệp tập hợp các HĐ GTGT, biên bản giao nhận vật tư của từng công trình để lập Bảng kê vật tư của từng công trình theo phương pháp

ghi tay (Biểu 3). Sau đó đóng thành từng bộ mỗi bộ là một công trình rồi gửi lên phòng kế toán công ty.

Kế toán công ty kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các HĐ GTGT, đối chiếu số lượng các HĐ GTGT thu nhận với số lượng ghi trên bảng kê, nếu phù hợp kế toán công ty và kế toán xí nghiệp sẽ cùng ký nhận vào bảng kê vật tư.

Sau đó kế toán công ty sẽ nhập số liệu từ HĐ GTGT vào máy tính theo các bước khai báo sau:

+ Số liệu / Nhập sửa chứng từ hạch toán

+ cửa sổ "Nội dung chứng từ xuất hiện" kế toán sẽ phải khai báo các thông tin căn bản sau:

Số hiệu chứng từ: HĐ094704

Ngày chứng từ: 10/12/2009

Nội dung: Cát đen

TK ghi NỢ: 621

Mã chi tiết TK NỢ: 621 ĐV

Mã chi tiết sản phẩm: CĐV04

TK ghi CÓ: 141

Mã chi tiết TK CÓ: 141ĐV

+ kết thúc

Từ đó phần mềm kế toán sẽ tự động chuyển số liệu kế toán đến các sổ Nhật ký chung (Biểu 20), Sổ chi tiết TK 621 của từng công trình (Biểu 21).

Hóa đơn GTGT

BIỂU 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2009. Tại công trình "Xây dựng đường trục chính qua khu công nghiệp Đình Vũ"

Chúng tôi gồm có:

- **ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG**: Công ty Cổ phần xây dựng vận tải & đầu tư dầu khí T.N.X.P

1- Ông (Bà): Nguyễn Văn Trường - Nhân viên kinh doanh

- **ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG**: Công ty cổ phần Xây dựng Ngô Quyền

1- Ông (Bà): Phạm Ngọc Thắng - Cán bộ kỹ thuật

2- Ông (Bà): Đỗ Thị Hường - Thủ kho

Đã cùng nhau giao nhận và kiểm tra số hàng hóa sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Cát đen	M^3	2273	

Hai bên giao nhận đủ số lượng hàng trên đạt chất lượng như hợp đồng. Vậy chúng tôi lập biên bản để làm cơ sở thanh toán

Biên bản giao nhận được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản có giá trị như nhau

BÊN GIAO HÀNG	BÊN NHẬN HÀNG
(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Văn Trường	Đỗ Thị Hường

BIỂU 2

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền
Xí nghiệp xây lắp số 4

BẢNG KÊ VẬT TƯ

Tháng 12/2009

Công trình: Xây dựng đường trục chính qua khu công nghiệp Đình Vũ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Ngày CT	Số HĐ	Nội dung	Số tiền	Thuế	Tổng
1	01/12/2009	036521	Ôxy	25.000	2.500	27.500
2	01/12/2009	046880	Dầu DO	6.594.543	659.454	7.253.997
3	02/12/2009	012640	Xi măng PC 40	19.000.000	1.900.000	20.900.000
4	08/12/2009	03635	Vải địa kỹ thuật	234.909.008	23.490.901	258.399.909
5	**10/12/2009**	**094703**	**Cát đen**	**100.012.000**	**5.000.600**	**105.012.600**
6	11/12/2009	072859	Cát nền	579.748	57.975	637.722
7	15/12/2009	072859	Cát vàng	3.316.476	331.648	3.648.123
8	25/12/2009	023122	Nước	149.987	14.999	164.986
9	25/12/2009	378922	Cát mịn ML1,5 - 2,0	237.274	23.727	261.002
10	30/12/2009	582654	Đá dăm 1x2	11.680.987	1.168.099	12.849.086
			Cộng	**376.505.023**	**37.650.502**	**414.155.526**

BIỂU 3

2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp tại công ty CP Xây dựng Ngô Quyền là chi phí tiền lương của công nhân trực tiếp tham gia thi công công trình.

Xí nghiệp áp dụng hình thức trả lương khoán đối với công nhân trực tiếp thi công công trình.

- Tài khoản sử dụng: TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp và các tài khoản khác có liên quan như 141,…

- Chứng từ sử dụng: Hợp đồng lao động và giao khoán việc, Biên bản thanh lý hợp đồng lao động và giao khoán việc…
- Sổ kế toán sử dụng: NKC, Sổ chi tiết TK622

Cụ thể: Quy trình hạch toán Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh ở công trình "Xây dựng đường trục chính qua khu công nghiệp Đình Vũ" như sau:

- Đầu năm giám đốc xí nghiệp và cán bộ kỹ thuật làm Hợp đồng lao động (Biểu 4) với người lao động , sau đó căn cứ vào khối lượng công việc phải thi công trong các tháng công ty sẽ tiến hành làm Hợp đồng giao khoán việc (Biểu 5) với người lao động.
- Hàng ngày đại diện xí nghiệp theo dõi số lượng công nhân tham gia thi công để ghi vào Bảng chấm công (Biểu 6)
- Cuối tháng, giám đốc xí nghiệp, cán bộ kỹ thuật cùng đại diện bên nhận việc kiểm tra khối lượng và chất lượng phần việc thi công lập Bảng tổng hợp khối lượng (khối lượng công việc hoàn thành) (Biểu 7)
- Sau đó kế toán xí nghiệp căn cứ Bảng tổng hợp khối lượng và Bảng chấm công để trả lương cho công nhân. Bảng thanh toán lương (Biểu 8)
- Cuối cùng kế toán xí nghiệp gửi các chứng từ liên quan lên phòng kế toán công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của các chứng từ rồi căn cứ vào Bảng thanh toán lương nhập số liệu vào phần mềm kế toán tương tự như nhập CP NVL TT. Phần mềm kế toán sẽ tự động nhập vào Sổ nhật ký chung (Biểu 20), Sổ chi tiết TK 622 (Biểu 22)

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

BIỂU 4

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

BIỂU 4

HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN VIỆC

BIỂU 5

BẢNG CHẤM CÔNG

BIỂU 6

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

BIỂU7

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

BIỂU 8

2.2.3.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Nội dung chi phí sản xuất chung ở công ty Cổ phần xây dựng Ngô Quyền bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên (bao gồm lương nhân viên quản lý xí nghiệp và lương nhân viên bảo vệ công trình), các khoản trích theo lương.

- Chi phí vật liệu (bao gồm vật liệu dùng để bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ,CP lán trại tạm thời…)

- Chi phí khấu hao TSCĐ (bao gồm chi phí khấu hao của các loại tài sản cố định tại xí nghiệp sản xuất)

- Chi phí công cụ dụng cụ (công cụ dụng cụ mua mới, công cụ dụng cụ phân bổ trong kỳ của xí nghiệp sản xuất…)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước viễn thông, chi phí thuê máy thi công, …)

- Chi phí bằng tiền khác

Công ty áp dụng hình thức phân bổ CP SXC theo chi phí nhân công trực tiếp.

- Sổ sách sử dụng: NKC, Sổ chi tiết TK 627
- Chứng từ sử dụng: Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ lương và BHXH, Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung…

Trong tháng 12 năm 2009 tại xí nghiệp xây lắp số 4:

+ Tổng CP NC TT của xí nghiệp xây lắp số 4 là: 47.549.338 đồng

+ CP NC TT phục vụ công trình XD đường trục chính qua KCN Đình Vũ là: 13.143.734 đồng

→ Tỷ lệ phân bổ CP SXC là:

$$\text{Tỷ lệ phân bổ} = \frac{13.143.734}{47.549.338} * 100\% = 27,64\ \%$$

Các khoản chi phí tập hợp vào CP SXC phát sinh tại xí nghiệp xây lắp số 4 như sau:

- **Lương nhân viên quản lý và các khoản trích theo lương**

Lương của nhân viên quản lý tại xí nghiệp do giám đốc xí nghiệp (đội trưởng) trực tiếp quản lý và trả lương theo thỏa thuận.

Hàng tháng kế toán xí nghiệp căn cứ Hợp đồng lao động (Biểu 9) và Bảng chấm công (Biểu 10) để tính ra lương nhân viên xí nghiệp rồi lập Bảng lương thanh toán nhân viên xí nghiệp (Biểu 11). Và lập Bảng phân bổ tiền lương và BHYT (Biểu 12). Tại xí nghiệp xây lắp 4 chỉ tiến hành trích BHYT cho nhân viên mà không tiến hành trích BHXH, KPCĐ, BHTN.

BHYT được trích theo tỷ lệ quy định của nhà nước (2% tính vào chi phí , 1% tính vào lương người lao động).

- **Chi phí dụng cụ sản xuất**

Hàng tháng kế toán xí nghiệp căn cứ vào Bảng kê phân bổ chi phí chờ kết chuyển tháng trước và các hóa đơn mua dụng cụ phát sinh trong tháng để lập Bảng kê phân bổ chi phí chờ kết chuyển tháng tiếp theo.

Trong tháng 12 xí nghiệp Xây lắp 4 mua thêm 1 máy in để phục vụ sản xuất kinh doanh (Biểu 13). Chi phí mua máy in này được phân bổ trong 18 tháng.

Bảng kê phân bổ chi phí chờ kết chuyển tháng 11 (Biểu 14)

Bảng kê phân bổ chi phí chờ kết chuyển tháng 12 (Biểu 15)

- **Chi phí dịch vụ mua ngoài**

Hàng tháng kế toán xí nghiệp căn cứ vào các hóa đơn cung cấp dịch vụ phát sinh trong tháng (ví dụ HĐ GTGT số 018873 – Biểu 16) để lập Bảng kê dịch vụ mua ngoài (Biểu 17)

- **Kế toán chi phí bằng tiền khác**

Kế toán xí nghiệp căn cứ vào các phiếu chi, giấy tạm ứng, … phát sinh trong tháng để lập Bảng kê chi phí khác (Biểu 18)

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

BIỂU 9

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

BIỂU 9

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền
Xí nghiệp Xây lắp số 4

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 12 năm 2009

STT	Họ và Tên	Ngày trong tháng																														Tổng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
1	Phạm Hải Ninh	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
2	Nguyễn Hữu Dũng	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
3	Bùi Hoàng Đông	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
4	Phạm Ngọc Thắng	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
5	Vũ Văn Bách Tùng	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
6	Phạm Mạnh Tường	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
7	Bùi Khánh Toàn	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
8	Nguyễn Thị Tẹo	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
9	Trần Thị Mai Thanh	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
10	Đỗ Thị Hường	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27
11	Vũ Phúc Long	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	31
12	Đồng Đức Đán	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	31
13	Trần Khắc Hiếu	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	31
14	Nguyễn Văn Tới	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	31

BIỂU 10

CÔNG TY CP XÂY DỰNG NGÔ QUYỀN

XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 4

Mẫu số 02 - LĐTL
Ban hành theo QĐ số 1141 - TC/CĐKT
ngày 1/1/1995 của Bộ Tài chính

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG NHÂN VIÊN

Số 04/12

Tháng 12 năm 2009

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương CB	Số ngày công	Lương thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	BHYT (1%)	Số tiền được lĩnh	Ký nhận
1	Phạm Hải Ninh	Đội trưởng	4.500.000	27	4.500.000	500.000	5.000.000	45.000	4.955.000	
2	Nguyễn Hữu Dũng	Đội phó	4.100.000	27	4.100.000	400.000	4.500.000	41.000	4.459.000	
3	Bùi Hoàng Đông	Kỹ thuật	3.200.000	27	3.200.000	300.000	3.500.000	32.000	3.468.000	
4	Phạm Ngọc Thắng	Kỹ thuật	3.200.000	27	3.200.000	300.000	3.500.000	32.000	3.468.000	
5	Vũ Văn Bách Tùng	Kỹ thuật	3.000.000	27	3.000.000	200.000	3.200.000	30.000	3.170.000	
6	Phạm Mạnh Tường	Kỹ thuật	3.000.000	27	3.000.000	200.000	3.200.000	30.000	3.170.000	
7	Bùi Khánh Toàn	Kỹ thuật	2.800.000	27	2.800.000	200.000	3.000.000	28.000	2.972.000	
8	Nguyễn Thị Tẹo	Kế toán	2.800.000	27	2.800.000	200.000	3.000.000	28.000	2.972.000	
9	Trần Thị Mai Thanh	Thủ quỹ	2800000	27	2800000	200.000	3.000.000	28.000	2.972.000	
10	Đỗ Thị Hường	Thủ kho	2.550.000	27	2.550.000	150000	2.700.000	25.500	2.674.500	
11	Vũ Phúc Long	Bảo vệ	1.500.000	31	1.500.000		1.500.000	15.000	1.485.000	
12	Đồng Đức Đán	Bảo vệ	1.500.000	31	1.500.000		1.500.000	15.000	1.485.000	
13	Trần Khắc Hiếu	Bảo vệ	1.500.000	31	1.500.000		1.500.000	15.000	1.485.000	
14	Nguyễn Văn Tới	Bảo vệ	1.500.000	31	1.500.000		1.500.000	15.000	1.485.000	
	Cộng		**37.950.000**		**37.950.000**	**2.650.000**	**40.600.000**	**379.500**	**40.220.500**	

BIỂU 11

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền
Xí nghiệp Xây lắp 4

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Số 04/12
Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đ

STT	TK ghi CÓ / TK ghi NỢ	TK 334-Phải trả công nhân viên				TK 338	Tổng cộng
		Lương CB	Lương TT	Các khoản phụ cấp	Cộng có TK 334	BHYT (3384)	
1	TK 622	13.143.734	13.143.734	-	13.143.734	-	13.143.734
2	TK627	37.950.000	37.950.000	2.650.000	40.600.000	759.000	41.359.000
3	TK334	-	-	-	-	379.500	379.500
	Cộng	**51.093.734**	**51.093.734**	**2.650.000**	**53.743.734**	**1.138.500**	**54.882.234**

BIỂU 12

HÓA ĐƠN GTGT

BIỂU13

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền
Xí nghiệp Xây lắp 4

BẢNG KÊ PHÂN BỔ CHI PHÍ CHỜ KẾT CHUYỂN HÀNG THÁNG

Số 04/11

Tháng 11 năm 2009

STT	Diễn giải	ĐVT	Tổng GTPB	TG phân bổ (tháng)	GTPB bình quân	Đã phân bổ (tháng)	Gía trị lũy kế đến T11	GTPB tháng 11	GT còn lại
1	Tủ tài liệu	Cái	1.636.364	18	90.909	10	909.091	90.909	636.364
2	Tủ tài liệu	Cái	1.727.273	18	95.960	16	1.535.354	95.960	95.960
3	Bàn vi tính	Cái	472.727	10	47.273	6	283.636	47.273	141.818
4	Ghế xoay	Cái	618.182	10	61.818	8	494.546	61.818	61.818
5	Bàn ghế làm việc	Cái	3.845.455	18	213.636	5	1.068.182	213.636	2.563.637
6	Máy Fax	Cái	2.260.952	18	125.608	2	251.217	125.608	1.884.127
	Tổng chi phí PB		**10.560.953**	-	-	-	**4.542.026**	**635.204**	**5.383.723**

Kế toán

BIỂU14

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền
Xí nghiệp Xây lắp 4

BẢNG KÊ PHÂN BỔ CHI PHÍ CHỜ KẾT CHUYỂN HÀNG THÁNG

Số 04/12

Tháng 12 năm 2009

STT	Diễn giải	ĐVT	Tổng GTPB	TG phân bổ (tháng)	GTPB bình quân	Đã phân bổ (tháng)	Gía trị lũy kế đến T12	GTPB tháng 12	GT còn lại
1	Tủ tài liệu	Cái	1.636.364	18	90.909	11	1.000.000	90.909	545.455
2	Tủ tài liệu	Cái	1.727.273	18	95.960	17	1.631.313	95.960	0
3	Bàn vi tính	Cái	472.727	10	47.273	7	330.909	47.273	94.545
4	Ghế xoay	Cái	618.182	10	61.818	9	556.364	61.818	0
5	Bàn ghế làm việc	Cái	3.845.455	18	213.636	6	1.281.818	213.636	2.350.000
6	Máy Fax	Cái	2.260.952	18	125.608	3	376.825	125.608	1.758.518
7	**Máy in Canon**	**Cái**	**1.780.952**	**18**	**98.942**	**0**	**-**	**98.942**	**1.682.010**
	Tổng chi phí PB		**12.341.905**	**-**	**-**	**-**	**5.177.230**	**734.146**	**6.430.529**

Kế toán

BIỂU 15

HÓA ĐƠN

BIỂU 16

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền

Xí nghiệp xây lắp số 4

BẢNG KÊ DỊCH VỤ MUA NGOÀI

Tháng 12/2009

Đơn vị tính: đ

STT	Ngày CT	Số HĐ	Nội dung	Số tiền	Thuế	Tổng
1	01/12/2009	0347247	Nước xí nghiệp	89.912	8.991	98.903
2	**09/12/2009**	**018873**	**Điện thi công công trường**	**190.190**	**19.019**	**209.209**
3	10/12/2009	072859	Điện xí nghiệp	211.050	21.105	232.155
4	10/12/2009	061322	Điện thoại xí nghiệp	762.000	76.200	838.200
5	17/12/2009	23123	Điện thoại công trường	415.000	41.500	456.500
6	18/12/2009	545777	Điện thoại công trường	124.500	12.450	136.950
7	21/12/2009	865551	Điện thoại công trường	725.144	72.514	797.658
8	25/12/2009	2455777	Thuê xe tải	450.000	45.000	495.000
9	26/12/2009	0458144	Điện thi công công trường	350480	35048	385528
10	30/12/2009	2455790	Thuê xe tải	500.000	50.000	550.000
11	30/12/2009	2455791	Thuê máy xúc	33.000.000	3.300.000	36.300.000
12	30/12/2009	2455792	Thuê máy ủi	31.500.000	3.150.000	34.650.000
			Cộng	**68.318.276**	**6.831.828**	**75.150.104**

BIỂU 17

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền

Xí nghiệp xây lắp số 4

BẢNG KÊ CHI PHÍ KHÁC

Tháng 12/2009

Đơn vị tính: đ

STT	Ngày CT	Số HĐ	Nội dung	Số tiền	Thuế	Tổng
1	09/12/2009	012225	giấy A4	247.000	24.700	271.700
2	15/12/2009	012229	văn phòng phẩm	155.000	15.500	170.500
3	07/12/2009	358795	chi tiếp khách	1.547.000	154.700	1.701.700
4	10/12/2009	0111454	bình nước lọc	150.000	15.000	165.000
5	11/12/2009	782546	đồ dùng văn phòng	321.000	32.100	353.100
6	21/12/2009	782942	đồ dùng văn phòng	4.500	450	4.950
7	17/12/2009	455545	chi tiếp khách	325.144	32.514	357.658
			Cộng	**2.749.644**	**274.964**	**3.024.608**

BIỂU 18

→ Sau khi tập hợp các loại chi phí SXC kế toán xí nghiệp lập Bảng phân bổ CPSXC cho các công trình (Biểu 19) sau đó gửi các chứng từ liên quan lên phòng kế toán công ty.

Kế toán công ty căn cứ vào các chứng từ liên quan nhập vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động nhập vào Sổ nhật ký chung (Biểu 20), Sổ chi tiết TK 627 (Biểu 23).

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền
Xí nghiệp xây lắp số 4

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Tiêu chí phân bổ	Tổng giá trị phân bổ	Công trình Đình Vũ (27,64%)	Công trình Hải An (35,84%)	Công trình SB Cát Bi (36,52%)
Lương và khoản trích BHYT	41.359.000	15.169.449	19.669.793	20.042.992
Dụng cụ sản xuất	734.146	202.918	263.118	268.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.318.276	18.883.171	24.485.270	24.949.834
Chi phí bằng tiền khác	2.749.644	760.002	985.472	1.004.170
Tổng	**113.161.066**	**35.015.541**	**45.403.653**	**46.265.106**

BIỂU 19

2.2.3.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Ở công ty CP Xây dựng Ngô Quyền, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, HMCT, điểm dừng kỹ thuật theo yêu cầu của chủ đầu tư. Sau mỗi giai đoạn thi công kế toán công ty sẽ tiến hành kết chuyển chi phí sang tài khoản 154. Máy tính sẽ tự động chuyển số liệu đến Sổ NKC (Biểu 20), Sổ chi tiết các TK 621(Biểu 21), 622(Biểu 22), 627 (Biểu 23), sổ chi tiết TK154 (Biểu 24).

2.2.3.5. Kế toán định giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là các công trình, HMCT chưa hoàn thành, khối lượng xây lắp chưa hoàn thành, hay khối lượng xây lắp đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán.

Đối với công trình "Xây dựng đường trục chính qua khu công nghiệp Đình Vũ" sản phẩm dở dang được đánh giá vào cuối mỗi năm để làm cơ sở xác định giá thành khối lượng công việc hoàn thành. Đại diện phòng kỹ thuật, kế toán, đội trưởng công trình và đại diện bên chủ đầu tư đến công trình cùng xác định đánh giá, xác định khối lượng công trình còn dở dang cuối kỳ chưa bàn giao được cho

bên A theo từng khoản mục. Căn cứ vào Biên bản kiểm kê và Biểu tổng hợp chi phí xây lắp do đội ngũ kỹ thuật cung cấp cùng với tổng chi phí thực tế đầu kỳ, chi phí phát sinh trong kỳ, kế toán công ty tiến hành lập bảng đánh giá sản phẩm làm dở dang cuối kỳ (Biểu 25) theo công thức:

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C}{Z_{dtht} + Z_{dtdd}} * Z_{dtdd}$$

Trong đó:
D_{CK}: Gía trị sản phẩm dở dang cuối kỳ
$D_{ĐK}$: Gía trị sản phẩm dở dang đầu kỳ
C: Chi phí sản xuất xây lắp phát sinh trong kỳ
Z_{dtht}: Gía trị dự toán các giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ
Z_{dtdd}: Gía trị dự toán các giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ theo mức độ hoàn thành

2.2.3.6. Kế toán tính giá thành sản phẩm

Cùng với việc xác định khối lượng công trình còn dở dang thì đại diện của xí nghiệp, đại diện của công ty cùng đại diện của bên chủ đầu tư tiến hành đánh giá chất lượng và xác định khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ, sau đó lập Biên bản nghiệm thu giai đoạn. Khi có biên bản nghiệm thu giai đoạn thì kế toán sẽ tiến hành lập Bảng tính giá thành (Biểu 26) để xác định giá thành thực tế của giai đoạn xây lắp hoàn thành bàn giao theo công thức:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Đồng thời kế toán sẽ tiến hành bút toán kết chuyển:

Nợ TK 632	giá thành thực tế của giai đoạn
Có TK 154	xây lắp hoàn thành bàn giao

Số liệu sẽ tự động nhập vào sổ NKC (Biểu 20), sổ chi tiết TK 154 (Biểu 24).

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỞ DANG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH QUA KHU CN ĐÌNH VŨ

ĐỘI THI CÔNG: XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 4

Năm 2009

CP dở dang đầu năm TK 154:	**156.785.210**	**$D_{ĐK}$** = 1+2+3
- CP NVL TT	105.275.618	1
- CP NC TT	12.051.211	2
- CP SXC	39.458.381	3
Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ:	**2.676.193.791**	**C = 4+5+6**
- CP NVL TT	2.171.416.511	4
- CP NC TT	250.078.547	5
- CP SXC	254.698.733	6
Gía thành dự toán GĐXL hoàn thành trong kỳ:	**2.121.456.381**	**Z_{dtht}**
Gía thành dự toán GĐXL dở dang cuối kỳ theo mức độ hoàn thành :	**182.449.360**	**Z_{dtdd} =Z'_{dtdd}*t**
Gía thành dự toán giai đoạn xây lắp dở dang :	456.123.400	**Z'_{dtdd}**
Mức độ hoàn thành	40%	**t**
CP NVL dở dang cuối kỳ:	**180.294.278**	**7**
CP NC dở dang cuối kỳ:	**20.758.404**	8
CP SXC dở dang cuối kỳ:	**23.294.693**	9
Gía trị sản phẩm xây lăp dở dang cuối kỳ :	**224.347.375**	**D_{CK}**

BIỂU 25

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH GIAI ĐOẠN

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH QUA KHU CN ĐÌNH VŨ

Năm 2009

Khoản mục	CPDDĐK	CPPS	CPDDCK	Z
621	105.275.618	2.171.416.511	180.294.278	2.096.397.851
622	12.051.211	250.078.547	20.758.404	241.371.354
627	39.458.381	254.698.733	23.294.693	270.862.421
CỘNG	**156.785.210**	**2.676.193.791**	**224.347.375**	**2.608.631.626**

BIỂU 26

CHƯƠNG 3
NHỮNG ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NGÔ QUYỀN

3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Ngô Quyền

3.1.1. Khái quát chung

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất nói chung và công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền nói riêng đã phải vượt qua những khó khăn ban đầu để bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường. Trước sự cạnh tranh gay gắt diễn ra ở cả hai mặt: cạnh tranh về chất lượng, cạnh tranh về giá cả. Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì hoạt động sản xuất kinh doanh của mình phải mang lại hiệu quả kinh tế xã hội, phải lấy thu nhập bù đắp chi phí và có lợi nhuận

Trong điều kiện giá bán trên thị trường chịu sự khống chế của quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, để có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp cần phải quan tâm đến chỉ tiêu chi phí giá thành. Chi phí giá thành là biểu hiện bằng tiền của các hao phí lao động sống, lao động vật hóa và một số lao động cần thiết khác để sản xuất sản phẩm, phản ánh trình độ kỹ thuật, trình độ tổ chức sản xuất, lao động vật tư, tiền vốn của doanh nghiệp. Trong giai đoạn hiện nay các doanh nghiệp được nhà nước giao quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh thì việc tính đúng, tính đủ, chính xác các khoản chi phí bỏ ra và giá thành sản phẩm không những cần thiết mà còn mang tính nguyên tắc, là yêu cầu cơ bản của quản trị doanh nghiệp.

Qua các biểu phản ánh tình hình thực hiện và hiệu quả quản lý chi phí và giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền ta thấy nhìn chung công tác quản lý tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm của Công ty là chưa được tốt. Tuy nhiên để đánh giá khách quan những việc được và chưa được trong quá trình quản lý, trong công tác tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm để từ đó rút ra những biện pháp tốt hơn cũng như lấy đó làm cơ sở để lập kế

hoạch chi phí và giá thành cho năm tới, trước hết ta đi phân tích những ưu nhược điểm tồn tại trong công tác quản lý và tiết kiệm chi phí nói riêng và công tác kế toán nói chung của Công ty Cổ phần xây dựng Ngô Quyền.

3.1.2. Ưu điểm

Trải qua hơn 30 năm hoạt động và phát triển Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền đã ngày càng được củng cố và phát triển. Những hợp đồng với giá trị lớn từ các đối tác không chỉ gói gọn trong phạm vi địa bàn thành phố đã phần nào khẳng định được sự trưởng thành, lớn mạnh của công ty. Để có được những thành tựu như ngày hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên trong công ty tận tụy nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh hơn. Đó là những nhân viên kỹ thuật năng động mang về cho công ty nhiều công trình có giá trị, xây dựng nên nhiều công trình có chất lượng mang lại uy tín cho công ty, đó là những nhân viên quản lý chịu khó tìm tòi, áp dụng các chính sách, mô hình quản lý mới có hiệu quả, giảm được những chi phí lãng phí, tăng cường sự đoàn kết trong nội bộ công ty mang lại hiệu quả công việc cao. Và rõ ràng là sự thành công đó không thể không có mặt của đội ngũ nhân viên kế toán trong công ty gồm nhân viên kế toán phòng tài chính kế toán và nhân viên kế toán các xí nghiệp thành viên với những nỗ lực trong việc theo kịp những yêu cầu về công tác tổ chức và hạch toán kế toán trong điều kiện nền kinh tế nước ta có nhiều sự chuyển biến. Trong khuôn khổ đề tài kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của đội ngũ nhân viên kế toán trong công ty được thể hiện qua các khía cạnh sau:

- Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty: Trong công ty có sự phân chia công việc và phối hợp công việc giữa các nhân viên kế toán phòng tài chính kế toán và nhân viên kế toán các xí nghiệp đã góp phần giảm khối lượng công việc, đặc biệt có hiệu quả trong việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp vốn là một công việc đòi hỏi có sự theo dõi quản lý chặt chẽ vì có sự phát sinh nhiều giao dịch dễ xảy ra gian lận.

- Về hình thức tổ chức kế toán: hình thức kế toán áp dụng tại công ty là Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản gọn nhẹ, dễ theo dõi. Dựa trên đặc điểm

của công ty, có quy mô vừa, địa bàn hoạt động rộng cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp. Hơn nữa phần mềm kế toán mà công ty đang sử dụng là do kế toán trưởng công ty tự thiết kế nên càng tạo điều kiện thuận lợi cho việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Mẫu chứng từ cũng như trình độ luân chuyển chứng từ luôn theo đúng chế độ quy định. Bộ sổ sách kế toán của công ty được in hàng tháng từ máy kế toán khá đầy đủ, được phản ánh theo trình tự thời gian và theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Nhưng riêng đối với các sổ chi tiết thì được in ra khi hoàn thành các công trình. Cách thức ghi chép và phương thức hạch toán khoa học, hợp lý phù hợp với yêu cầu, nguyên tắc của chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tổ chức hạch toán kế toán khoa học rõ ràng, giảm được công việc ghi sổ kế toán.

- **Đối tương tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm**: Do đặc thù của ngành xây lắp mà công ty đã xác định đối tượng tập hợp chi phí là từng công trình, hạng mục công trình. Đối tượng tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao. Việc xác định đối tượng như vây là rất hợp lý, giúp cho công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chính xác và nhanh chóng

- **Phương pháp tính giá thành sản phẩm**: Việc xác định rõ phương pháp tính giá thành sản phẩm có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có thể hạch toán được một cách chính xác tổng chi phí sản xuất bỏ ra cho một đơn vị sản phẩm. Căn cứ vào đặc điểm của công ty: sản phẩm có giá trị lớn, quy trình công nghệ phức tạp, thời gian thi công dài, địa điểm các công trình phân bố rộng, đối tượng tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành nên phương pháp tính giá thành sản phẩm mà công ty áp dụng là phương pháp tính giá thanh trực tiếp theo từng đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

- **Kỳ tính giá thành**: Công ty áp dụng kỳ tính giá thành là từ khi khởi công thi công công trình đến khi công trình hoàn thành bàn giao

- **Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.** Công ty đã tổ chức vận dụng chế độ kế toán doanh nghiệp một cách linh hoạt và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp. Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp xây lắp (Ban hành theo quyết định số 1864/1998/QĐ-BTC ngày 16/12/1998 của Bộ trưởng Bộ tài chính và có thay đổi theo chuẩn mực kế toán Việt Nam).

Công ty giao khoán toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung nên tạo được sự chủ động tích cực và có trách nhiệm trong công việc của chỉ huy trưởng công trình đồng thời cũng tạo thuận lợi cho việc thu thập chứng từ về phòng tài chính kế toán được tập trung. Mô hình tổ chức sản xuất này rất phù hợp với quy mô đặc điểm sản xuất của một công ty xây lắp – có địa điểm thi công phân tán, do đó mà kế toán công ty không thể theo dõi đầy đủ chi phí phát sinh của nhiều công trình.

Đối tượng, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đúng đắn tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Kỳ tính giá thánh sản phẩm không xác định là tháng, hoặc quý như các doanh nghiệp khác mà theo thời gian hoàn thành các công trình là phù hợp với thực tế công việc

- **Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**: là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí và có tính chất quyết định đến chất lượng công trình nên được quản lý chặt chẽ, tổ chức cung ứng phù hợp. Các vật liệu quan trọng có giá trị lớn thì công ty tổ chức tìm nguồn hàng, ký kết hợp đồng mua, rồi vận chuyển đến chân công trình. Còn lại thì chỉ huy trưởng tùy theo yêu cầu thực tế mà cung ứng thêm. Như vậy công ty tiết kiệm được chi phí kho bãi, chi phí bảo quản nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển từ kho bãi đến công trường. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không đối ứng với tài khoản 152, 153 mà đối ứng với tài khoản 141- Tạm ứng. Việc theo dõi chi phí nguyên vật liệu thực hiện trực tiếp tại công trường, do kế

Toán xí nghiệp thực hiện giúp cho việc theo dõi chi phí nguyên vật liệu được chính xác, kịp thời và toàn diện hơn.

- **Đối với chi phí nhân công trực tiếp**: Công ty thực hiện ký hợp đồng lao động với người lao động theo từng năm đồng thời công ty sử dụng hình thức khoán gọn các công việc thủ công cho lao động mang lại hiệu quả cao ở việc nâng cao trách nhiệm, ý thức tự giác cho người lao động vì đã gắn lợi ích vật chất với khối lượng và chất lượng công việc của họ, đảm bảo công việc đạt yêu cầu cả về chất lượng và tiến độ thi công. Việc hạch toán cũng thuận lợi hơn vì công ty không phải quản lý trả lương cho các đối tượng này, đồng thời tiết kiệm được chi phí đi lại phụ cấp cho công nhân khi phải đi xa. Do vậy khoản mục chi phí nhân công trực tiếp cũng không đối ứng với tài khoản 334, 338 mà đối ứng với tài khoản 141- Tạm ứng. Việc hạch toán như vậy giúp cho công ty theo dõi được chi phí nhân công trực tiếp một cách chính xác. Công ty không tiến hành trích các khoản BHYT,BHXH, BHTN, KPCĐ đối với nhân công trực tiếp thi công nên việc công ty không phản ánh chi phí nhân công trực tiếp đối ứng với tài khoản 334 để tránh nhầm lẫn đối với các khoản trích.

- **Đối với chi phí sản xuất chung và chi phí sử dụng MTC**: Chi phí phát sinh tại xí nghiệp được tập hợp phân bổ cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp để quyết toán và ghi sổ thuận lợi. Khấu hao được tính toán và phân bổ theo quy định của chế độ và được ghi sổ đầy đủ.

→ Những ưu điểm trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đã có ảnh hưởng tích cực đến việc, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm xây lắp. Điều này đã góp phần làm tăng lợi nhuận cho xí nghiệp

3.1.3. Nhược điểm

- **Về bộ máy kế toán**: Phòng tài chính kế toán của công ty la nơi đi lại trao đổi các chứng từ giữa công ty và các xí nghiệp nhưng lại quá nhỏ. Mặt khác công ty áp dụng phần mềm kế toán nhưng lại có quá ít máy vi tính (chỉ có 3 máy) nên việc thực hiện công việc không thuận lợi

- **Về hình thức kế toán**: Do công ty sử dụng phương thức kế toán bằng máy vi tính nên rất dễ bị các loại vi rút xâm phạm và các sự cố máy vi tính tấn công phá hoại các dữ liệu trong máy. Bên cạnh đó công ty không sử dụng Sổ cái các TK 621, 622, 627,154, 155 nên rất khó trong việc theo dõi tổng các loại chi phí và giá thành của các công trình trong công ty cũng như việc lập BCTC cuối kỳ.

- **Về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**: Công ty giao khoán toàn bộ chi phí sản xuất cho các xí nghiệp điều đó tạo cho các xí nghiệp kê khai chi phí không chính xác. Một thực trạng thường thấy ở các xí nghiệp là họ kê khai chi phí lớn hơn hoặc bằng với mức giao khoán để xí nghiệp lỗ và không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Xí nghiệp thường ghi tăng chi phí trực tiếp lên vì chứng từ để hạch toán chi phí này là hợp đồng lao động làm khoán và Bảng thanh toán lương nhân công .

- **Về hạch toán chi phí**: Công ty còn chưa tiến hành trích BHXH, BHTN, KPCĐ cho người lao động do vậy không tạo điều kiện khuyến khích người lao động làm việc lâu dài với công ty và cũng không phù hợp với quy định kế toán hiện hành.

Theo quy định hiện hành chi phí máy thi công được hạch toán vào tài khoản 623-Chi phí sử dụng máy thi công. Nhưng hiện nay công ty lại hạch toán chi phí này vào tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung. Đối với việc sử dụng máy thi công là tài sản của công ty thì công ty hạch toán vào tài khoản 6274-Chi phí khấu hao TSCĐ, còn đối với việc sử dụng máy thi công thuê ngoài thì công ty hạch toán vào tài khoản 6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc theo dõi và quản lý chi phí sản xuất để phục vụ cho việc thi công của công ty, lẽ ra phải hạch toán vào tài khoản 623 mới phù hợp với chế độ kế toán.

- **Công tác tính giá thành sản phẩm**: Một vấn đề quan trọng cần quan tâm trong việc tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty là giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp tại công ty chính bằng tổng chi phí thực tế phát sinh từ khi khởi công đến khi hoàn thành, bàn giao vì vậy xảy ra tình trạng chi vượt quá dự toán gây lỗ cho công trình là khá cao.

Bất kỳ hoạt động kinh doanh nào cũng tồn tại những khoản rủi ro có thể xảy ra vì vậy chế độ kế toán đã có quy định về việc trích lập các khoản dự phòng. Tuy nhiên ở công ty hiện nay không áp dụng việc trích lập dự phòng. Vì vậy khi rủi ro xảy ra có thể dẫn đến những tác động tiêu cực đến tình hình tài chính công ty.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Bên cạnh những yêu điểm chính trên, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần xây dựng Ngô Quyền còn có những hạn chế nhất định cần hoàn thiện hơn. Nhằm hoàn thiện hơn nữa và nâng cao hiệu quả sản xuất, quản lý công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm công ty cần phát huy những ưu điểm hiện có đồng thời tìm cách khắc phục những nhược điểm còn tồn tại.

- **Hoàn thiện bộ máy kế toán**: Phòng tài chính kế toán nên trang bị thêm một số máy vi tính để thuận lợi hơn cho các nhân viên kế toán trong công ty, từ đó nâng cao hiệu quả làm việc
- **Hoàn thiện hình thức kế toán**: Do công ty áp dụng kế toán máy nên rất dễ bị vi rút xâm nhập làm hỏng dữ liệu vì vậy cần phải chú ý đến việc in ra các sổ sách, các đĩa mềm để lưu trữ. Bên cạnh đó công ty nên mở sổ cái theo dõi các tài khoản tập hợp chi phí, sổ cái giá thành các công trình hoàn thành bàn giao trong kỳ.
- **Về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**: Để tiện theo dõi tình hình thực hiện các công trình xây lắp công ty nên tính cả tỷ trọng các khoản mục chi phí trong đó nhằm theo dõi và quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến thi công công trình, so sánh với dự toán nhằm kiểm soát kịp thời từng loại chi phí, tránh được tình trạng chi vượt quá dự toán sau này, đảm bảo lợi nhuận công ty được chính xác.
- **Về hạch toán chi phí:** Tại công ty CP xây dựng Ngô Quyền, công ty ký hợp đồng lao động đối với công nhân trực tiếp thi công theo từng năm và thuê máy thi công theo từng tháng trong đó chi phí tiền lương của công nhân sử dụng máy thi công do bên cho thuê chi trả nên công ty không phải tiến hành trích

BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho công nhân sử dụng máy thi công và công nhân thi công trực tiếp tại công trình nhưng đối với nhân viên quản lý tại phân xưởng Công ty nên trích BHXH, KPCĐ, BHTN kể từ ngày 1/1/2010 theo đúng chuẩn mực kế toán ban hành. Đồng thời mở thêm các sổ chi tiết để theo dõi cho các khoản mục này Trong đó:

+ BHXH (TK3383)**:** Trích 20% trên tổng mức lương cơ bản, 15% tính vào chi phí, 5% tính vào lương của người lao động.

+ KPCĐ (TK3382): Trích 2% vào chi phí trên tổng mức lương cơ bản

+ BHTN (TK3389): Trích 2% trên tổng mức lương cơ bản, 1% tính vào chi phí, 1% tính vào lương của người lao động.

Cụ thể: Công ty phải lập lại Bảng lương và Bảng phân bổ các khoản trích theo lương của nhân viên xí nghiệp xây lắp 4 như mẫu: Biểu 27, Biểu 28.

Hiện nay công ty không sử dụng tài khoản 623- Chi phí máy thi công để hạch toán khoản mục chi phí này. Vì vậy công ty nên sử dụng tài khoản này theo các nguyên tắc chuẩn mực ghi nhận nhằm theo dõi chi tiết chi phí máy thi công giúp cho công ty ghi nhận đầy đủ và chính xác các loại chi phí sản xuất. Để tiện cho việc theo dõi quản lý chi phí máy thi công, công ty nên mở sổ chi tiết máy thi công cho từng xí nghiệp.

Cụ thể: Tại xí nghiệp xây lắp 4 trong tháng 12 phát sinh 2 hóa đơn thuê máy thi công: HĐ2455791 thuê máy xúc & HĐ 2455792 thuê máy ủi nên công ty phải tiến hành mở sổ chi tiết và theo dõi trên tài khoản 62304 (Biểu 29) thay vì theo dõi trên tài khoản 62704 như trước đây. Sau đó tiến hành phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp như phân bổ chi phí sản xuất chung.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG NGÔ QUYỀN
XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 4

Mẫu số 02 - LĐTL
Ban hành theo QĐ số 1141 - TC/CĐKT
ngày 1/1/1995 của Bộ Tài chính

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG NHÂN VIÊN

Số 04/12

Tháng 12 năm 2009

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương CB	Số ngày công	Lương thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản trừ vào lương				Số tiền được lĩnh	Ký nhận
								BHXH (5%)	BHYT (1%)	BHTN (1%)	CỘNG		
1	Phạm Hải Ninh	Đội trưởng	4.500.000	27	4.500.000	500.000	5.000.000	225.000	45.000	45.000	315.000	4.685.000	
2	Nguyễn Hữu Dũng	Đội phó	4.100.000	27	4.100.000	400.000	4.500.000	205.000	41.000	41.000	287.000	4.213.000	
3	Bùi Hoàng Đông	Kỹ thuật	3.200.000	27	3.200.000	300.000	3.500.000	160.000	32.000	32.000	224.000	3.276.000	
4	Phạm Ngọc Thắng	Kỹ thuật	3.200.000	27	3.200.000	300.000	3.500.000	160.000	32.000	32.000	224.000	3.276.000	
5	Vũ Văn Bách Tùng	Kỹ thuật	3.000.000	27	3.000.000	200.000	3.200.000	150.000	30.000	30.000	210.000	2.990.000	
6	Phạm Mạnh Tường	Kỹ thuật	3.000.000	27	3.000.000	200.000	3.200.000	150.000	30.000	30.000	210.000	2.990.000	
7	Bùi Khánh Toàn	Kỹ thuật	2.800.000	27	2.800.000	200.000	3.000.000	140.000	28.000	28.000	196.000	2.804.000	
8	Nguyễn Thị Tẹo	Kế toán	2.800.000	27	2.800.000	200.000	3.000.000	140.000	28.000	28.000	196.000	2.804.000	
9	Trần T.Mai Thanh	Thủ quỹ	2800000	27	2800000	200.000	3.000.000	140.000	28.000	28.000	196.000	2.804.000	
10	Đỗ Thị Hường	Thủ kho	2.550.000	27	2.550.000	150000	2.700.000	127.500	25.500	25.500	178.500	2.521.500	
11	Vũ Phúc Long	Bảo vệ	1.500.000	31	1.500.000		1.500.000	75.000	15.000	15.000	105.000	1.395.000	
12	Đồng Đức Đán	Bảo vệ	1.500.000	31	1.500.000		1.500.000	75.000	15.000	15.000	105.000	1.395.000	
13	Trần Khắc Hiếu	Bảo vệ	1.500.000	31	1.500.000		1.500.000	75.000	15.000	15.000	105.000	1.395.000	
14	Nguyễn Văn Tới	Bảo vệ	1.500.000	31	1.500.000		1.500.000	75.000	15.000	15.000	105.000	1.395.000	
	Cộng		**37.950.000**		**37.950.000**	**2.650.000**	**40.600.000**	**1.897.500**	**379.500**	**379.500**	**2.656.500**	**37.943.500**	

BIỂU 27

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG
Số 04/12

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	TK CÓ / TK NỢ	TK 334-Phải trả công nhân viên				TK 338-Phải trả phải nộp khác					Tổng cộng
		Lương CB	Lương TT	Các khoản phụ cấp	**Cộng có TK 334**	BHXH (15%)	BHYT (2%)	KPCĐ (2%)	BHTN (1%)	**Cộng có TK338**	
1	TK 622	13.143.734	13.143.734	-	13.143.734	-	-	-	-	-	13.143.734
2	TK627	37.950.000	37.950.000	2.650.000	40.600.000	5.692.500	759.000	759.000	379.500	7.590.000	48.190.000
3	TK334	-	-	-	-	1.897.500	379.500	-	379.500	2.656.500	2.656.500
	Cộng	**51.093.734**	**51.093.734**	**2.650.000**	**53.743.734**	**7.590.000**	**1.138.500**	**759.000**	**759.000**	**10.246.500**	**63.990.234**

BIỂU 28

Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền
Số 149 Hai Bà Trưng-Lê Chân-HP

CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK: 62304 - Chi phí sử dụng máy thi công
ĐỘI: Xí nghiệp xây lắp 4

Đơn vị tính: đồng

STT	NGÀY HT	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
					Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			…			
	31/12/2009	HĐ2455791	Thuê máy xúc	141	33.000.000	
	31/12/2009	HĐ2455792	Thuê máy ủi	141	31.500.000	
	31/12/2009	XXX	**Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công**			X
			Cộng phát sinh		X	X
			Dư cuối kỳ			

BIỂU 29

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh vô cùng gay gắt, quyết liệt, yêu cầu đặt ra cho mỗi doanh nghiệp là làm thế nào để với một khối lượng nguyên vật liệu và tiền vốn nhất định có thể tạo ra một sản phẩm có giá trị cao nhất, giá thành thấp nhất, đem lại lợi nhuận tối đa, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Cũng như các doanh nghiệp sản xuất khác các doanh nghiệp xây lắp muốn tồn tại trong nền kinh tế thị trường thì cần phải luôn chú trọng tới kế hoạch hạ giá thành công trình trên cơ sở đảm bảo chất lượng công trình cao đạt yêu cầu thẩm mỹ. Để có được thông tin cần thiết, chính xác và kịp thời ra các quyết định quản lý kinh doanh cần tổ chức tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tiết kiệm được chi phí không những làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp mà còn là tiết kiệm nguồn nhân tài, vật lực cho xã hội, góp phần thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng

Qua quá trình tìm hiểu thực tập tại Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền, em đã trình bày thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng của công ty, đồng thời đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn nữa phần hành kế toán quan trọng này.

Do trình độ có hạn và thời gian thực tập không dài khóa luận tốt nghiệp của em mới chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản và không tránh khỏi thiếu sót sơ suất. Em mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô, các cô chú, anh chị phòng kế toán công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền. Em xin chân thành cảm ơn cô giáo **Nghiêm Thị Thà** và công ty đã hướng dẫn giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành khóa luận này.